

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

CHUYÊN NGÀNH: CÔNG TÁC XÃ HỘI

NGÀNH: CÔNG TÁC XÃ HỘI

CHUYÊN NGÀNH ĐẠO TẠO THÍ ĐIỂM

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo: Công tác xã hội (Social work)
- Mã số chuyên ngành đào tạo: Chuyên ngành đào tạo Thí điểm
- Tên ngành đào tạo: Công tác xã hội (Social work)
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Tiến sĩ Công tác xã hội (*Doctor of Philosophy in Social work*)
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Hà Nội)

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo bậc Tiến sĩ chuyên ngành CTXH có mục tiêu chung là đào tạo thạc sĩ chuyên ngành CTXH, vừa đảm bảo tính cơ bản và hiện đại, vừa mở rộng và nâng cao so với bậc cử nhân, phù hợp với thực tiễn kinh tế, chính trị - xã hội của đất nước trong điều kiện hội nhập với khu vực và thế giới; có ý thức góp phần thực hiện mục tiêu công

bằng xã hội, xóa đói giảm nghèo, xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1 Về kiến thức: Người học được trang bị những kiến thức sâu và có hệ thống về lý thuyết CTXH, và vận dụng các lý thuyết đó vào các lĩnh vực trong đời sống xã hội, phát hiện và xử lý can thiệp các vấn đề xã hội có hiệu quả. Đồng thời, các học viên được trang bị một cách vững chắc các giá trị và đạo đức nghề nghiệp.

2.2.2. Về kỹ năng: Người học được đào tạo có trình độ cao về kỹ năng thực hành trong CTXH, có thể ứng dụng lý thuyết cho thực hành CTXH trong từng lĩnh vực, có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên ngành CTXH của mình. Trong đào tạo CTXH, học viên được trang bị kiến thức để ứng dụng CTXH trong thực hành và dần có khả năng phát triển kỹ năng nghề nghiệp của riêng bản thân mình.

2.2.3. Về năng lực: Người được đào tạo có năng lực giải quyết vấn đề CTXH đặc thù trong lĩnh vực cụ thể của mình: tư vấn, chỉ dẫn, điều trị, can thiệp, điều tra, đánh giá, tổng kết, báo cáo. Ngoài ra, người học có thể giảng dạy, đào tạo cán bộ CTXH từ Trung ương đến địa phương, nghiên cứu lý luận CTXH trong các trường Đại học, Cao đẳng, và các Viện nghiên cứu. Đào tạo bậc cao tổng hợp các khoa học xã hội, khoa học hành vi, khoa học phát triển, khoa học quản lý dẫn đến xây dựng các mô hình lý thuyết cho thực hành. Phần lý thuyết của CTXH bậc cao đòi hỏi đưa ra được cơ sở lý thuyết của thực hành CTXH từ cơ sở lý thuyết của các khoa học xã hội nói chung giúp người học nâng cao năng lực xây dựng, phát triển lý thuyết thực hành CTXH và tay nghề thực hành CTXH tại cơ sở.

2.2.4. Về nghiên cứu: Kết hợp nghiên cứu lý thuyết và thực hành CTXH. Người học có thể nghiên cứu, phát hiện, giải quyết các vấn đề CTXH thuộc lĩnh vực cụ thể của mình trên cơ sở tự đánh giá hiệu quả hoạt động thực hành của mình. Ngoài ra người học phải có khả năng thiết kế nghiên cứu, tổ chức nghiên cứu và phân tích số liệu nghiên cứu.

3. Thông tin tuyển sinh:

3.1. Hình thức tuyển sinh

* Đối tượng từ thạc sĩ: Xét hồ sơ chuyên môn theo quy định của ĐHQG Hà Nội

* Đối tượng từ cử nhân: kết hợp thi tuyển và xét hồ sơ chuyên môn

+Môn thi cơ bản: Nhập môn Công tác xã hội

+Môn thi cơ sở: Hành vi con người và môi trường xã hội

+Ngoại ngữ: Trình độ B, 1 trong 5 ngoại ngữ sau Anh, Nga, Pháp, Trung Quốc,

Đức.

3.2. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ chuẩn ĐHQGHN chuyên ngành xã hội học phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Có lí lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Đáp ứng một trong những điều kiện sau đây về văn bằng và công trình đã công bố:

- Có bằng thạc sĩ ngành xã hội học có ít nhất 01 bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển.

- Có bằng thạc sĩ ngành khác và có bằng tốt nghiệp đại học ngành xã hội học và có ít nhất 01 bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển. Trong trường hợp này thí sinh dự tuyển như người chưa có bằng thạc sĩ.

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành xã hội học loại giỏi trở lên và có ít nhất 01 bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển.

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành xã hội học, loại khá và có ít nhất 02 bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển.

Nội dung các bài báo phải phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển và được công bố trên tạp chí khoa học của ĐHQGHN, các tạp chí khoa học có uy tín cấp quốc gia, quốc tế hoặc trong các tuyển tập công trình (có phản biện) của Hội nghị khoa học cấp quốc gia, quốc tế được xuất bản chính thức.

c) Được giới thiệu từ ít nhất hai nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ cùng chuyên ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu, trong đó có một nhà khoa học nhận hướng dẫn luận án.

d) Có bài luận về dự định nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lí do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được, lí do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong từng thời kì của thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp; đề xuất người hướng dẫn.

e) Điều kiện về thâm niên công tác: Thí sinh dự thi phải có ít nhất hai năm hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành dự thi (tính từ ngày kí quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nhập học).

3.3. Danh mục ngành gần, ngành khác với chuyên ngành Công tác xã hội

- Ngành đào tạo đại học gần: Xã hội học, Tâm lý học, Khoa học Quản lý, Chính trị học/Sur phạm giáo dục chính trị, Triết học, Luật học, Nhân học, Sử học (Chuyên ngành Nhân học).

- Ngành đào tạo đại học khác: Gồm các ngành trong danh mục ngành đào tạo của nhà nước trừ ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần.

- Chuyên ngành đào tạo thạc sĩ gần: Xã hội học, Tâm lý học, Khoa học Quản lý, Chính trị học/Sur phạm giáo dục chính trị, Triết học, Luật học, Nhân học, Sử học (Chuyên ngành Nhân học).

- Chuyên ngành đào tạo thạc sĩ khác: Gồm các ngành trong danh mục ngành đào tạo của nhà nước trừ ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần.

3.4. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức:

Đối với thí sinh là thạc sĩ các ngành gần muốn theo học chương trình Tiến sĩ Công tác xã hội cần phải hoàn thành *Các học phần bổ sung kiến thức* sau đó xét tuyển và thi đầu vào theo quy định ở mục **3.1. Hình thức tuyển sinh**

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Lý thuyết Công tác xã hội	2	
2	Phương pháp nghiên cứu Công tác xã hội	2	
3	Hành vi con người và môi trường xã hội	3	
4	An sinh xã hội	3	
5	Chính sách xã hội	2	
6	Công tác xã hội với trẻ em	2	
7	Công tác xã hội cá nhân	3	
8	Công tác xã hội nhóm	3	
9	Phát triển cộng đồng	3	
10	Xây dựng và quản lý dự án công tác xã hội	3	
	Tổng	26	

3.5. Dự kiến quy mô tuyển sinh: 20 học viên/năm

II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

1.1. Kiến thức chung trong ĐHQG Hà Nội

Tiến sĩ Công tác xã hội có thể giới quan, phương pháp luận triết học Mác – Lênin; Có kiến thức cơ bản về ngoại ngữ (một trong ba thứ tiếng Anh, Nga, Pháp) và sử dụng được những kiến thức nói trên trong học tập và nghiên cứu khoa học.

1.2. Kiến thức nhóm chuyên ngành

Tiến sĩ công tác xã hội sử dụng thành thạo được ngoại ngữ học thuật nâng cao (1 trong 3 thứ tiếng Anh, Pháp, Nga) trong công tác nghiên cứu cũng như giảng dạy công tác xã hội.

Tiến sĩ công tác xã hội phân tích, phê phán được các quan điểm và lý thuyết trong công tác xã hội khi ứng dụng lý thuyết vào giải quyết vấn đề thực tiễn.

Tiến sĩ công tác xã hội phân tích được các sự kiện, hiện tượng và quá trình xã hội bằng cách sử dụng các phương pháp định tính và định lượng trong nghiên cứu và thực hành Công tác xã hội.

Tiến sĩ công tác xã hội nắm vững được hai trong số các nhóm kiến thức: Chính sách xã hội và những vấn đề xã hội ; Một số lý thuyết về CTXH; Tổ chức và Phát triển cộng đồng; Công tác xã hội trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tâm thần.

1.3. Về kiến thức chuyên ngành

Tiến sĩ công tác xã hội có kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành: Lí luận về thực hành CTXH; Mô hình CTXH với cá nhân; Mô hình CTXH với nhóm; Người khuyết tật: Chính sách và thực hành. Ngoài ra, Tiến sĩ công tác xã hội nắm được hai trong số các nhóm kiến thức: Quản trị CTXH : Chính sách và hoạch định; CTXH và chính sách xã hội với gia đình; CTXH trong lĩnh vực y tế; CTXH học đường; Bình đẳng giới và bạo lực gia đình; CTXH và pháp luật

1.4. Kiến thức học phần và chuyên đề tiến sĩ:

Sau khi hoàn thành các chuyên đề tiến sĩ, NCS có được các kiến thức chuyên sâu và cập nhật về Giáo dục Công tác xã hội; Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội; Bất bình đẳng và đói nghèo; Đánh giá ban đầu trong chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng. Bên cạnh đó, NCS có được kiến thức chuyên sâu về một trong số các chuyên ngành Công tác xã hội và ứng dụng được kiến thức đó vào giải quyết một vấn đề thực tiễn cụ thể.

1.5. Yêu cầu đối với luận án:

- Luận án Tiến sĩ công tác xã hội là một công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có đóng góp mới cho việc giải quyết vấn đề khoa học, lý luận hoặc thực tiễn đang đặt ra với chuyên ngành công tác xã hội.

- Đề tài luận án là một vấn đề khoa học, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn, không trùng lặp với các đề tài nghiên cứu đã công bố trong và ngoài nước. Đề tài luận án phải được tiểu ban chuyên môn thông qua trong quy trình xét tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ, được thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định giao đề tài và người hướng dẫn. Nghiên cứu sinh phải trình bày nội dung, kế hoạch nghiên cứu trước đơn vị chuyên môn chậm nhất 3 tháng sau khi nhận đề tài luận án và báo cáo kết quả nghiên cứu 6 tháng 1 lần trong thời gian thực hiện luận án. Kết quả đánh giá báo cáo là điều kiện để xem xét việc đề nghị cho bảo vệ luận án;

- Kết quả nghiên cứu trong luận án là kết quả lao động của chính tác giả trong thời gian đào tạo. Khối lượng luận án không quá 150 trang A4, được chế bản theo mẫu quy định chung của Đại học Quốc gia Hà nội, trong đó trên 50% là trình bày các kết quả nghiên cứu và biện luận riêng của nghiên cứu sinh theo cấu trúc: Phần mở đầu, Tổng quan về vấn đề nghiên cứu, nội dung, kết quả nghiên cứu, kết luận và khuyến nghị, danh mục các công trình công bố kết quả nghiên cứu của đề tài, luận án, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục (nếu có). Bản tóm tắt luận án có khối lượng không quá 24 trang A5 phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của luận án, phải ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án. Bản thông tin luận án khoảng 3 đến 5 trang (300 đến 500 chữ) bằng tiếng Việt và tiếng Anh trình bày những nội dung cơ bản, những nội dung mới và những đóng góp quan trọng nhất của luận án. Luận án tiến sĩ sau khi bảo vệ thành công trước Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp nhà nước có thể sửa chữa và xuất bản thành sách tham khảo cho các nhà nghiên cứu, sinh viên, học viên sau đại học ngành công tác xã hội;

1.6. Yêu cầu về số lượng và chất lượng của các công trình khoa học sẽ công bố

Có ít nhất 02 bài báo liên quan đến nội dung của luận án được công bố trên tạp chí khoa học có trong danh sách tạp chí được hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước công nhận.

2. Về kỹ năng:

2.1. Kỹ năng cứng : Tiến sĩ công tác xã hội có các kỹ năng cơ bản như sau:

- Nghiên cứu độc lập các vấn đề xã hội;
- Giảng dạy được một trong các chuyên ngành của công tác xã hội ở bậc đại học và sau đại học;
- Xây dựng và triển khai đề tài, dự án nghiên cứu khoa học;
- Viết và phản biện, biên tập được bài đăng tạp chí, sách chuyên khảo;
- Tổ chức, điều hành, tham gia, tác nghiệp trong một lĩnh vực cụ thể của đời sống xã hội;
- Thuyết trình được các vấn đề khoa học;

- Tư vấn và phản biện chính sách;
- Hướng dẫn được khóa luận và luận văn tốt nghiệp cho sinh viên và học viên sau đại học, hướng dẫn được các chuyên đề tiến sĩ.

2.2. Kỹ năng mềm: Tiến sĩ công tác xã hội có các kỹ năng mềm cơ bản như sau:

2.2.1. Kỹ năng cá nhân: phát hiện và nhận diện các vấn đề nghiên cứu; phân tích và giải quyết các vấn đề xã hội; đề xuất được các giải pháp về chính sách liên quan đến các lĩnh vực khác nhau trong đời sống xã hội.

2.2.2. Làm việc theo nhóm: có kỹ năng lãnh đạo, tổ chức, điều hành, phối hợp trong hoạt động nhóm.

2.2.3. Quản lý và lãnh đạo: có kỹ năng xác định phương hướng, chiến lược, xây dựng kế hoạch, huy động nguồn lực, tổ chức thực hiện, giải quyết vấn đề, điều phối các nhóm, kiểm tra giám sát, đánh giá hiệu quả

2.2.4. Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ: sử dụng được ít nhất một ngoại ngữ tương đương Chuẩn B1 khung tham chiếu Châu Âu (Đối với tiếng Anh: tương đương 5.0 IELTS, hoặc 500 TOEFL)

3. Về năng lực

3.1. Những vị trí công tác mà người học có thể đảm nhận sau tốt nghiệp: Tiến sĩ ngành công tác xã hội có thể đảm nhận một số vị trí như:

- Quản lý, chuyên gia tư vấn trong các cơ quan quản lý nhà nước;
- Quản lý, chuyên gia tư vấn trong các tổ chức phi chính phủ với các lĩnh vực hoạt động xã hội khác nhau;
- Nghiên cứu viên ở các trường, trung tâm, viện nghiên cứu;
- Cán bộ giảng dạy đại học và sau đại học trong hệ thống các trường đại học, cao đẳng và các trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề;
- Cộng tác viên, biên tập viên trong các cơ quan truyền thông;
- Cán bộ lãnh đạo trong các tổ chức xã hội;

3.2. Yêu cầu kết quả thực hiện công việc

Tiến sĩ công tác xã hội có năng lực lập kế hoạch, tổ chức và thực hiện tốt các hoạt động trong lĩnh vực công tác của mình, có khả năng trực tiếp tham gia hoạt động nghiên cứu và đào tạo ở bậc đại học và sau đại học chuyên ngành công tác xã hội.

4. Về phẩm chất đạo đức

4.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân: Tiến sĩ công tác xã hội là người trung thực, có tinh thần vì cộng đồng, sẵn sàng tham gia hoạt động xã hội vì mục đích chung.

4.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: Tiến sĩ công tác xã hội đảm bảo tính khách quan trong các hoạt động nghề nghiệp, tính bảo mật cho các thông tin thu thập được, sẵn sàng chia sẻ và hỗ trợ đồng nghiệp trong công tác.

4.3. Phẩm chất đạo đức xã hội: Tiến sĩ công tác xã hội đảm bảo tốt các quy định về đạo đức công dân nói chung, tuân thủ đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước có thái độ tích cực thực hiện mục tiêu bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia, xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Tích cực tham gia các hoạt động từ thiện xã hội.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

a) Đối với NCS từ cử nhân lên: Phải hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ và các nội dung của chương trình đào tạo tiến sĩ.

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	131 tín chỉ , trong đó:
- Các học phần bổ sung kiến thức:	39 tín chỉ
+ Khối kiến thức chung (bắt buộc):	07 tín chỉ
+ Khối kiến thức nhóm chuyên ngành:	14 tín chỉ
Bắt buộc:	10 tín chỉ
Tự chọn:	4/8 tín chỉ
+ Khối kiến thức chuyên ngành:	16 tín chỉ
Bắt buộc:	08 tín chỉ
Tự chọn:	06/12 tín chỉ
Thực hành	02
- Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan:	22 tín chỉ
+ Các học phần tiến sĩ:	10 tín chỉ
Bắt buộc:	08 tín chỉ
Tự chọn:	02/10 tín chỉ
+ Ngoại ngữ học thuật nâng cao	04 tín chỉ
+ Các chuyên đề tiến sĩ:	06/36 tín chỉ
+ Tiểu luận tổng quan	02 tín chỉ
- Nghiên cứu khoa học (không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo)	
- Luận án tiến sĩ:	70 tín chỉ

b) Đối với NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp:

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	92 tín chỉ , trong đó:
- Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan:	22 tín chỉ
+ Các học phần tiến sĩ:	10 tín chỉ
Bắt buộc:	08 tín chỉ
Tự chọn:	02/10 tín chỉ
+ Ngoại ngữ học thuật nâng cao	04 tín chỉ
+ Các chuyên đề tiến sĩ:	06/36 tín chỉ
+ Tiểu luận tổng quan	02 tín chỉ
- Nghiên cứu khoa học (không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo)	
- Luận án tiến sĩ:	70 tín chỉ

2. Khung chương trình

2.1. Khung chương trình dành cho NCS từ cử nhân

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ: TS			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I.	PHẦN 1: KHỐI KIẾN THỨC BỔ SUNG (Các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ)						
I.1	Khối kiến thức chung		7				
1.	PHI 5001	Triết học (Philosophy)	3	15	15	15	
2.	ENG 5001	Tiếng Anh cơ bản (Basic English)	4				
	RUS 5001	Tiếng Nga cơ bản (Basic Russian)					
	FRE 5001	Tiếng Pháp cơ bản (Basic French)					
I.2	Khối kiến thức nhóm chuyên ngành		14				
I.2.1	Bắt buộc		10				
3.	ENG 6001	Tiếng Anh học thuật (Academic English)	3				
	RUS 6001	Tiếng Nga học thuật (Academic Russian)					
	FRE 6001	Tiếng Pháp học thuật (Academic French)					
4.	SOC 6026	Hành vi con người và Môi trường xã hội II (Human Behavior and the Social Environment II)	2	15	10	5	
5.	SOC 6028	Phương pháp nghiên cứu ứng dụng CTXH (Applied Research Methods for Social Work)	2	15	10	5	
6.	SOC 6030	Trị liệu tâm lý (Psychotherapy)	3	15	15	15	
I.2.2	Tự chọn		4/8				
7.	SOC 6020	Chính sách xã hội và những vấn đề xã hội (Social Problems and Social Policy)	2	15	10	5	
8.	SOC 6025	Một số lý thuyết về CTXH (Theories of Social	2	15	10	5	

		<i>Work)</i>					
9.	SOC 6033	Tổ chức và Phát triển cộng đồng (<i>Organization and Community Development</i>)	2	15	10	5	
10.	SOC 6057	Công tác xã hội trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tâm thần (<i>Social work in Mental Health</i>)	2	15	10	5	
I.3.	Khối kiến thức chuyên ngành		16				
I.3.1	Bắt buộc		8				
11.	SOC 6024	Lí luận về thực hành CTXH (<i>Theory for Practice in Social Work</i>)	2	15	10	5	
12.	SOC 6031	Mô hình CTXH với cá nhân (<i>Social Work Models with Individuals</i>)	2	15	10	5	
13.	SOC 6032	Mô hình CTXH với nhóm (<i>Social Work Models with Groups</i>)	2	15	10	5	
14.	SOC 6058	Người khuyết tật: Chính sách và thực hành (<i>People with disabilities: Policy and Practice</i>)	2	15	10	5	
I.3.2	Tự chọn		6/12				
15.	SOC 6034	Quản trị CTXH : Chính sách và hoạch định (<i>Administration in Social Work: Policy and Planning</i>)	3	15	15	15	
16.	SOC 6036	CTXH và chính sách xã hội với gia đình (<i>Social Work and Social policy for Family</i>)	2	15	10	5	
17.	SOC 6037	CTXH trong lĩnh vực y tế (<i>Social Work in Health Sector</i>)	2	15	10	5	
18.	SOC 6059	CTXH học đường (<i>Social Work with School</i>)	3	15	10	5	
19.	SOC 6060	Bình đẳng giới và bạo lực gia đình: CTXH và pháp luật (<i>Gender equality and domestic violence: Social work and law</i>)	2	15	10	5	
I.3.3	Thực hành CTXH						
20.	SOC 6061	Thực hành CTXH tại cơ sở (<i>Field education practicum</i>)	2	0	20	10	
II.	PHẦN 2: CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIỀN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN						

II.1.1	Bắt buộc		08				
21.	SOC 8019	Giáo dục Công tác xã hội (<i>Social work education</i>)	2	15	10	5	
22.	SOC 8020	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội (<i>Policy, Planning and Agency Administration</i>)	2	15	10	5	
23.	SOC 8021	Bất bình đẳng và đói nghèo (<i>Poverty and Inequanlity</i>)	2	15	10	5	
24.	SOC 8022	Đánh giá ban đầu trong chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng (<i>Healthcare Pre-assessment in Community</i>)	2	15	10	5	
II.2.2	Tự chọn		2/10				
25.	SOC 8023	Thiết kế và triển khai nghiên cứu trong Công tác xã hội (<i>Designing and Performing Social work Research</i>)	2	15	10	5	
26.	SOC 8024	Tôn giáo và công tác xã hội (<i>Religion and Spirituality and Social work</i>)	2	15	10	5	
27.	SOC 8025	Các lý thuyết và mô hình tổ chức cộng đồng (<i>Models and Theories of Community Organization</i>)	2	15	10	5	
28.	SOC 8026	Công tác xã hội với người già và trẻ em (<i>Social work with Children and the Elderly</i>)	2	15	10	5	
29.	SOC 8027	Công tác xã hội với người có hành vi vi phạm pháp luật	2	15	10	5	

		(Social work with People violating laws)					
II.2	<i>Ngoại ngữ học thuật nâng cao (chọn 1 trong các thứ tiếng sau)</i>		4	60	30	30	
	ENG 8001	Tiếng Anh học thuật nâng cao (<i>Advanced Academic English</i>)	4	60	30	30	
	RUS 8001	Tiếng Nga học thuật nâng cao (<i>Advanced Academic Russian</i>)	4	60	30	30	
	FRE 8001	Tiếng Pháp học thuật nâng cao (<i>Advanced Academic French</i>)	4	60	30	30	
II.3	<i>Các chuyên đề tiến sĩ</i>		6/36				
30.	SOC 8028	Can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật trí tuệ (<i>Early Intervention for Children with Mental illness</i>)	2	15	10	5	
31.	SOC 8029	Công tác xã hội với gia đình và nhóm (<i>Social work with Group and Family</i>)	2	15	10	5	
32.	SOC 8030	Phân tích chính sách xã hội (<i>Social policy analysis</i>)	2	15	10	5	
33.	SOC 8031	Lịch sử và lý thuyết Phúc lợi xã hội (<i>Social welfare Theories and History</i>)	2	15	10	5	
34.	SOC 8032	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (<i>Social work with Children with Special</i>	2	15	10	5	

		<i>Circumstances)</i>					
35.	SOC 8033	Công tác xã hội với nhóm mại dâm, sử dụng ma túy, nhiễm HIV/AIDS <i>(Social work with group of prostitution, substance –abused and effected by HIV/AIDS)</i>	2	15	10	5	
36.	SOC 8034	Công tác xã hội với phụ nữ bị bạo lực gia đình <i>(Social work with Domestic Violence)</i>	2	15	10	5	
37.	SOC 8035	Trầm cảm và kỹ năng kiểm soát trầm cảm trong chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng. <i>(Depression and skill for controlling depression in mental healthcare in community)</i>	2	15	10	5	
38.	SOC 8036	Công tác xã hội với gia đình đa văn hóa <i>(Social work with multi-cultural family)</i>	2	15	10	5	
39.	SOC 8037	Lịch sử các cách tiếp cận phát triển cộng đồng <i>(History of community develoment apporoachs)</i>	2	15	10	5	
40.	SOC 8038	Đánh giá các tiếp cận phát triển cộng đồng ở	2	15	10	5	

		Việt Nam hiện nay (Current <i>community development approaches</i> <i>Assesment in Viet Nam</i>)					
41.	SOC 8039	Vốn xã hội và phát triển cộng đồng (<i>Social Capital and Community Development</i>)	2	15	10	5	
42.	SOC 8040	Lý thuyết về hành vi lệch chuẩn (<i>Theory of Deviation Behaviour</i>)	2	15	10	5	
43.	SOC 8041	CTXH với người vị thành niên vi phạm pháp luật (<i>Social work with Violation of Juvenile</i>)	2	15	10	5	
44.	SOC 8042	Mô hình chăm sóc người cao tuổi (<i>Model for Caring the Elderly</i>)	2	15	10	5	
45.	SOC 8043	Các mô hình phòng chống bạo lực gia đình tại Việt Nam (<i>Models for Domestic Violence Prevention in Viet Nam</i>)	2	15	10	5	
46.	SOC 8044	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần với trẻ tự kỷ tại cộng đồng (<i>Social work with mental healthcare for Austim Children in Community</i>)	2	15	10	5	

47.	SOC 8045	Các mô hình giáo dục đặc biệt đối với người khuyết tật <i>(Models of Special Education for People with Disability)</i>	2	15	10	5	
II.4.	Tiểu luận tổng quan		2				
48.	SOC 8046	Tiểu luận tổng quan <i>(Doctoral Dissertation Literature Review)</i>	2	15	10	5	
III.	PHẦN 3.	NGHIÊN CỨU KHOA HỌC					
49.	Nghiên cứu sinh xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của Bộ môn chuyên môn và giáo viên hướng dẫn						
IV	PHẦN 4.	LUẬN ÁN TIẾN SĨ					
41	SOC 9002	Luận án tiến sĩ <i>(Doctoral Dissertation)</i>	70				
		Tổng cộng	131				

2.2 Khung chương trình dành cho NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ: TS			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	PHẦN 1: CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN						
I.1.1	Bắt buộc		08				
1.	SOC 8019	Giáo dục Công tác xã hội (Social work education)	2	15	10	5	

2.	SOC 8020	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội (<i>Policy, Planning and Agency Administration</i>)	2	15	10	5	
3.	SOC 8021	Bất bình đẳng và đói nghèo (<i>Poverty and Inequanlity</i>)	2	15	10	5	
4.	SOC 8022	Đánh giá ban đầu trong chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng (<i>Healthcare Pre-assessment in Community</i>)	2	15	10	5	
I.1..2	Tự chọn		2/10				
5.	SOC 8023	Thiết kế và triển khai nghiên cứu trong Công tác xã hội (<i>Designing and Performing Social work Research</i>)	2	15	10	5	
6.	SOC 8024	Tôn giáo và công tác xã hội (<i>Religion and Spirituality and Social work</i>)	2	15	10	5	
7.	SOC 8025	Các lý thuyết và mô hình tổ chức cộng đồng (<i>Models and Theories of Community Organization</i>)	2	15	10	5	
8.	SOC 8026	Công tác xã hội với người già và trẻ em (<i>Social work with Children and the Elderly</i>)	2	15	10	5	
9.	SOC 8027	Công tác xã hội với người có hành vi vi phạm pháp luật (<i>Social work with People violating laws</i>)	2	15	10	5	
I.2	Ngoại ngữ học thuật nâng cao (chọn 1 trong các thứ tiếng sau)		4	60	30	30	

	ENG 8001	Tiếng Anh học thuật nâng cao (<i>Advanced Academic English</i>)	4	60	30	30	
	RUS 8001	Tiếng Nga học thuật nâng cao (<i>Advanced Academic Russian</i>)	4	60	30	30	
	FRE 8001	Tiếng Pháp học thuật nâng cao (<i>Advanced Academic French</i>)	4	60	30	30	
I.3	<i>Các chuyên đề tiên sĩ</i>		6/36				
10.	SOC 8028	Can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật trí tuệ (<i>Early Intervention for Children with Mental illness</i>)	2	15	10	5	
11.	SOC 8029	Công tác xã hội với gia đình và nhóm (<i>Social work with Group and Family</i>)	2	15	10	5	
12.	SOC 8030	Phân tích chính sách xã hội (<i>Social policy analysis</i>)	2	15	10	5	
13.	SOC 8031	Lịch sử và lý thuyết Phúc lợi xã hội (<i>Social welfare Theories and History</i>)	2	15	10	5	
14.	SOC 8032	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (<i>Social work with Children with Special Circumstances</i>)	2	15	10	5	
15.	SOC 8033	Công tác xã hội với nhóm mại dâm, sử dụng ma túy, nhiễm HIV/AIDS	2	15	10	5	

		<i>(Social work with group of prostitution, substance –abused and effected by HIV/AIDS)</i>					
16.	SOC 8034	Công tác xã hội với phụ nữ bị bạo lực gia đình <i>(Social work with Domestic Violence)</i>	2	15	10	5	
17.	SOC 8035	Trầm cảm và kỹ năng kiểm soát trầm cảm trong chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng. <i>(Depression and skill for controlling depression in mental healthcare in community)</i>	2	15	10	5	
18.	SOC 8036	Công tác xã hội với gia đình đa văn hóa <i>(Social work with multi-cultural family)</i>	2	15	10	5	
19.	SOC 8037	Lịch sử các cách tiếp cận phát triển cộng đồng <i>(History of community develoment apporoachs)</i>	2	15	10	5	
20.	SOC 8038	Đánh giá các tiếp cận phát triển cộng đồng ở Việt Nam hiện nay <i>(Current community develoment apporoachs Assesment in Viet Nam)</i>	2	15	10	5	

21.	SOC 8039	Vốn xã hội và phát triển cộng đồng (<i>Social Capital and Community Development</i>)	2	15	10	5	
22.	SOC 8040	Lý thuyết về hành vi lệch chuẩn (<i>Theory of Deviation Behaviour</i>)	2	15	10	5	
23.	SOC 8041	CTXH với người vị thành niên vi phạm pháp luật (<i>Social work with Violation of Juvenile</i>)	2	15	10	5	
24.	SOC 8042	Mô hình chăm sóc người cao tuổi (<i>Model for Caring the Elderly</i>)	2	15	10	5	
25.	SOC 8043	Các mô hình phòng chống bạo lực gia đình tại Việt Nam (<i>Models for Domestic Violence Prevention in Viet Nam</i>)	2	15	10	5	
26.	SOC 8044	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần với trẻ tự kỷ tại cộng đồng (<i>Social work with mental healthcare for Austim Children in Community</i>)	2	15	10	5	
27.	SOC 8045	Các mô hình giáo dục đặc biệt đối với người khuyết tật (<i>Models of Special Education for People with</i>	2	15	10	5	

		Disability)					
I.4.	Tiểu luận tổng quan		2				
28.	SOC 8046	Tiểu luận tổng quan (Doctoral Dissertation Literature Review)	2	15	10	5	
II	PHẦN 2	NGHIÊN CỨU KHOA HỌC					
29.	Nghiên cứu sinh xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của Bộ môn chuyên môn và giáo viên hướng dẫn						
IV	PHẦN 3	LUẬN ÁN TIẾN SĨ					
30	SOC 9002	Luận án tiến sĩ (Doctoral Dissertation)	70				
		Tổng cộng	92				

3. DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo
1.	PHI 5001	Triết học (<i>Philosophy</i>)	3	Theo quy định chung của ĐHQG
2.	ENG 5001	Tiếng Anh cơ bản (<i>Basic English</i>)	4	Theo quy định chung của ĐHQG
	RUS 5001	Tiếng Nga cơ bản (<i>Basic Russian</i>)		Theo quy định chung của ĐHQG
	FRE 5001	Tiếng Pháp cơ bản (<i>Basic French</i>)		Theo quy định chung của ĐHQG
3.	ENG 6001	Tiếng Anh học thuật	3	1. Oxenden C. & Lamtham – Koenig C. (2009). New English

		(Academic English)		file Upper – Intermediate. Student’s book. OUP 2. Oxenden C. & Lamtham – Koenig C. (2009). New English file Upper – Intermediate. Workbook. OUP 3. Disability resource and development center – DRD, Open University (2011), English in Social Work – Training curriculum 4. Terry Mizrahi, Larry E. Davis (2008), Encyclopedia of Social Work, Oxford University Press. 5. Social dialogue magazine collection, APASWE Other teaching and learning English materials collected
4.	SOC 6026	Hành vi con người và Môi trường xã hội II (<i>Human Behavior and the Social Environment II</i>)	2	1. Joan Granucci Lesser, and Donna Saia Pope. <i>Human Behavior and Social Environment: Theory and Practice</i>, Boston:2007 2. Ledley, Deborah, Brian Marx và Richard Heimberg. <i>Sắp đặt thuyết Nhận thức-hành vi trong làm việc</i>. NewYork: Gilford, 2005. 3. Mullaly, Robert. <i>Công tác xã hội cấu trúc : Hệ tư tưởng, lý thuyết và thực hành</i>, 2nd ed. NewYork: Đại học Oxford ấn hành, 1997. 4. James, Richard. <i>Các chiến lược can thiệp khủng hoảng</i>. 6th ed. Belmont. CA: Brooks/Cole, 2008. 5. Kanel, Kristi. <i>Hướng dẫn can thiệp khủng hoảng</i>. 3rd ed. . CA: Brooks/Cole, 2007 6. Brown, Nina. <i>Những nhóm giáo dục tâm lý: Tiến trình và thực hành</i>, 2nd ed. NewYork: Brunner- Routedge, 2003. 7. DeLucia-Waal, Janice. <i>Hướng dẫn nhóm giáo dục tâm lý cho trẻ em và trẻ vị thành niên</i>. Thousand Oak, CA: Sage, 2006. 8. Forte, Jame. <i>Human behavior and the Social Environment</i>. Belmont, CA: Brooks/Cole, 2007
5.	SOC 6028	Phương pháp nghiên cứu ứng dụng CTXH (<i>Applied Research Methods for Social Work</i>)	2	1. Phạm Văn Quyết & Nguyễn Quý Thanh. (2001) <i>Phương pháp nghiên cứu xã hội học</i>. NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội. 2. Allen Rubin & Earl Babbie. (2001) <i>Research Methods for Social Work</i>. WadSOWrth: Thomson Learning 3. Bruce L. Berg. (2004) <i>Qualitative Research Methods</i>. Pearson

				Education. Inc. John W. Creswell. (1998) <i>Qualitative Inquiry and Research Design</i> . SAGE Publications
6.	SOC 6030	Trị liệu tâm lý (<i>Psychotherapy</i>)	3	1. Beck, Aaron. (1972). <i>Depression: Causes and treatment</i>. Philadelphia: University of Pennsylvania Press. 2. Beck, Aaron (1976). <i>Cognitive therapy and the emotional disorder</i>. New York: International University Press. 3. Beck, Aaron (1991) <i>Cognitive therapy: A 30-year retrospective</i>. <i>American Psychologist</i>, 46, 368-375). 4. Ellis, Albert. (1992). <i>Rational recovery systems: An alternative to Alcoholics Anonymous</i>. Unpublished manuscript, Institute of Rational-Emotive Therapy, New York. 5. Frankl Viktor E. (1985). <i>The unheard cry for meaning: Psychotherapy and humanism</i>. New York: Simon and Schuster. 6. Glasser, William. (1984). <i>Take effective control of your life</i>. New York: HarperCollins. 7. Roger, C. (1977). <i>On personal power</i>. New York: Delacourt. 8. Perls, Fritz (1969) <i>In and out of the garbage pail</i>. Moab, UT: Real People Press.
7.	SOC 6020	Chính sách xã hội và những vấn đề xã hội (<i>Social Problems and Social Policy</i>)	2	1. Bùi Thế Cường. (2002) <i>Chính sách xã hội và Công tác xã hội ở Việt Nam thập niên 90</i>. NXB Khoa học xã hội. 2. Đỗ Nguyên Phương & Phạm Huy Dũng. (2004) <i>Xã hội hoá Y tế ở Việt Nam: Những vấn đề lý luận và thực tiễn</i>. NXB Chính trị quốc gia. 3. Brian Wharf & Brad McKenzie. (1998) <i>Connecting Policy to Practice in the Human Service</i>. Oxford University Press. 4. Bùi Đình Thanh. 2004. <i>Xã hội học và Chính sách xã hội</i>. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội. 5. Dickens, Jonathan. 2010. <i>Social Work and Social Policy - An Introduction</i>. London: Routledge. 6. Dave Broad & Wayne Antony. (1999) <i>Citizens or Consumers?</i>

				<i>Social Policy in the Market</i> SOWiety. Fernwood Publishing Halifax 7. Kendall, Diana. 2004. <i>Social Problems in a Diverse Society</i>. Boston: Pearson. 8. Nguyễn Tiệp, Phạm Hồng Trang, and Nguyễn Lê Trang. 2011. <i>Giáo trình Chính sách Xã hội</i>. Hà Nội: Nhà Xuất bản Lao động - Xã hội. 9. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam. 1993. <i>Chính sách Xã hội - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn</i>. Hà Nội: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam
8.	SOC 6025	Một số lý thuyết về CTXH (Theories of Social Work)	2	1. Dennis Saleebey. (2001) <i>Human Behaviour and Social Environments: A biopsychological approach</i>. Colombia University Express, New York 2. Malcolm Payne. (1991) <i>Modern Social Work Theory: A critical introduction</i>. Lyceum Books. Inc.
9.	SOC 6033	Tổ chức và Phát triển cộng đồng (Organization and Community Development)	2	1. Addams Jane. (1940). <i>Twenty Years at Hull House with Autobiographical Notes</i>. New York: macmillan. 2. Bisno, Herbert, & Fred Cox. (1997). "Social work Education: Catching up with the Present and the Future, Journal of SOWial Work Education 33(2): 373-387. 3. Hamilto, David, and Davd Fauri. (2001). " <i>Social Workers' Politica Participation: Strengthening the Political Confidence of Social Work Students.</i>" Journal of Social Work Education 37(2): 321-332.
10.	SOC 6057	Công tác xã hội trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tâm thần (Social work in Mental Health)	2	. Võ Văn Bản, (2002), <i>Thực hành điều trị tâm lý</i>, NXB Y học, Hà Nội. 2. Đào Văn Dũng, (2009), “Phối hợp đa ngành trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân”, <i>Ban tuyên giáo trung ương</i>. 3. Vũ Dũng (chủ biên), (2008), <i>Từ điển tâm lý học</i>, NXB Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.

			4. Ngọc Hà, (2004), “Bệnh viện tâm thần ban ngày - mô hình hiệu quả, tiết kiệm”, vnexpress.net. 5. Trần Viết Nghị và các cộng sự (biên dịch), (2000), <i>Cơ sở của Lâm sàng tâm thần học</i>, NXB Y học, Hà Nội. 6. Đỗ Hồng Ngọc, (2009), “Chăm sóc sức khỏe ban đầu”, <i>Viện thông tin thư viện y học Trung ương</i>. 7. Nguyễn Hữu Tâm, Nguyễn Hoài Bảo (biên dịch), (2001), <i>Từ điển xã hội học</i>, NXB Thế giới, Hà Nội. 8. Nguyễn Viết Thiêm, (2009), “Đại cương về tâm thần học”, <i>sức khỏe tâm thần</i>, suckhoetamthan.acad.vn. 9. Trần Đình Tuấn, (2009), <i>Công tác xã hội lý thuyết và thực hành</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội. 10. Hoàng Huyền Trang (chủ biên), (1996), <i>Hỗ trợ tâm lý xã hội cho những người dễ bị tổn thương</i>, UNV/CFSI. 11. Đinh Hữu Uân, (2009), “Khái niệm về tâm thần học và các bệnh tâm thần”, <i>Sức khỏe tâm thần</i>, easyvn.vn 12. Nguyễn Thị Xuyên (trưởng ban), (2008), <i>Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng</i>, MCNV, Hà Nội. 13. Laurie Ahern & Daniel Fisher, (1999), <i>Personal Assistance in Community Existence</i>, National Empowerment Center. 14. Chyrell D. Bellamy & Carol T. Mowbray, (1998), “Supported education as an empowerment intervention for people with mental illness”, <i>Journal of community psychology</i>, 26 (5), 401-413. 15. Scott W. Boyle, Grafton H. Hull, Jr. Jannah Hurn Mather, Larry Lorenzo Smith, O. William Farley, (2009), <i>Direct Practice in Social Work</i>, Pearson, Boston. 16. Robert E. Drake, (1998), “Summary history, current situations and future position of community therapy”, <i>Journal of US mental health</i>, 68 (2). 17. Armando T Morales, Bradford W. Sheafor, Malcolm E. Scott,
--	--	--	--

				(2007), <i>Social Work a profession of many faces</i>, Pearson, Boston. 18. Donald M. Linhorst, (2006), <i>Empowering people with severe mental illness: A practical guide</i>, Oxford University Press, New York. 19. Donald M. Linhorst, Gary Hamilton, Eric Young, Anne Eckert, (2002), <i>Opportunities and barriers to empowering people with severe mental illness through participation in treatment planning</i>, Oxford University Press, New York. 20. E. Sally Rogers, Judi Chamberlin, Marsha Langer Ellison, Tim Crean, (1997), “A consumer-constructed scale to measure empowerment among user of mental health services”, <i>Psychiatric Services</i>, (48), 1042-1047. 21. Bradford W. Sheafor, Charles R. Horejsi, (2008), <i>Techniques and guideline for social work practice</i>, Pearson, Boston
11.	SOC 6024	Lí luận về thực hành CTXH (<i>Theory for Practice in Social Work</i>)	2	1. Corrigan, Paul and Peter Leonard (1978) <i>Social Work Practice Under Capitalism: a Marxist Approach</i> (London, Macmillan). 2. Epstein, Laura (1978) <i>Heping People: a Task-Centred Approach</i> (St Louis, Mo. C.V. Mosby). 3. Fischer, Joel (1973) 'Is case work effective? a review', <i>Social Work</i>, 18(1) 5-20. 4. Golan, Naomi (1978) <i>Treatment in Crisis Situations</i> (New York, Free Press). 5. Golan, Naomi (1986) 'Crisis theory' in Francis J. Turner (ed.) <i>Social Work Treatment: Interlocking theoretical Approaches</i> (New York, Free Press). 6. Goldenberg, E. Matilda (1987) 'The effectiveness of social care: a selective exploration'. <i>British Journal of Social Work</i>, 17(6) 595-614). 7. Goldstein, Howard (1973) <i>Social Work Practice: A Unitary Approach</i> (Columbia, South Carolina, University of South Carolina Press).

			8. Goldstein, Howard (1981) <i>Social Learning and Change: a Cognitive approach to Human Services</i> (Columbia, South Carolina, University of South Carolina Press). 9. Hollis, Florence and Mary E. Wood (1981) <i>Casework: psychoSOWial therapy</i> (New York: Random House). 10. Krill, Donad f. (1969) 'Existential psychotherapy and the problem of anomie', SOWial Work, 14(2) 33-49. 11. Pincus, Allen, and Anne Minahan (1973) <i>Social Work Practice: Model and Method</i> (Itasca, Ill., Peacock). 12. Reid William J. (1978) <i>The Task-Centred System</i> (New York, Columbia University Press). 13. Solomon, Barbara Bryant (1976) <i>Black Empowerment: Social Work in Oppressed Communities</i> (New York, Columbia University Press). 14. Fuhrunab, A., & Burlingame, g. (Eds.) (1998). <i>Handbook of Group Psycholtherapy: An Empirical and Clinical Synthesis</i>. New York Wiley. 15. Morran, D. K., & Stockton, R. (1995). <i>Feedback exchange in counseling group: An analysis of message content and receiver acceptance as a function of leader versus member delivery, session, and valence</i>. Journal of Counseling Psychology, 32, 57-67. 16. Pedersen, P. (1997). <i>Culture-centered counseling interventions: Striving for accuracy</i>. Thousand Oaks, CA: Sage.
12.	SOC 6031	Mô hình CTXH với cá nhân (<i>Social Work Models with Individuals</i>)	2 1. Shulman. L, <i>the Skills of Helping Individuals and Group</i>, 2nd Ed, Peacock Publishers, Illinois 2. Boy. W. S et al, 2006, <i>Direct practice in Social work</i>, Pearson Education. Inc. USA Grace Mathew, 1998, <i>Introduction to Social case work</i>, Indian (bản dịch Lê Chí An, Đại học mở bán công TP Hồ Chí Minh) 3. Fook J. 1993, <i>Radical Social work A theory of practice</i>. Allen

				& Unwwin USA
13.	SOC 6032	Mô hình CTXH với nhóm (<i>Social Work Models with Groups</i>)	2	1. Bandura, a, (1969). <i>Principles of behavior modification</i>. New York: Holt, Rinehart & Winston. 2. Beck, A. T. (1976). <i>Cognitive therapy and the emotional disorder</i>. New York: New American Library. 3. Berne, E. (1966). <i>Principles of group treatment</i>. New York: Oxford University Press. 4. Bugental, J.F.T. (1978). <i>Psychotherapy and process: The fundamentals of an existential-humanistic approach</i>. Reading, MA: Addison-Wesley. Goldfried, M. R., & Davison, G. C. (1994). <i>Clinical behavior therapy (expanded ed.)</i> New York: Wiley Interscience. 5. Jacobs, E., Masson, R.L., & Harvill, R.L. (2002). <i>Group Counseling: Strategies and skills (4th ed.)</i>. Pacific Grove, CA: Brooks/Cole 6. Rose, S. D. , and Edleson, J. (1987). <i>Working with children and adolescents: A multimodal approach</i>. San Francisco: Jossey-Bass. 7. Thompson, C.L, & Rudolph, L.B. (2000). <i>Counseling children (5th ed.)</i>. Pacific Grove, CA: Brooks/Cole
14.	SOC 6058	Người khuyết tật: Chính sách và thực hành (<i>People with disabilities: Policy and Practice</i>)	2	1. Carlisle, H. M. (1987). <i>Management Essentials: Concepts for Productivity and Innovation</i>. Chicago: Science Research AsSOWiates. 2. Fulmer, R.M. (1988). <i>The new management</i>. New York: Macmillan. Gowdy, E.A. et al. (1993). <i>Administration in Social work</i> 17, No.1. 3. Hasenfeld, Y. (1985). <i>An introduction to human services management</i>. New York: Haworth Press. 4. Peters, T. (1987). <i>Handbook for a management revolution</i>. New York: Knopf 5. Resnick, H., & Rino, J.P. (Ed). (1980). <i>Change from within:</i>

				Humanizing SOWial welfare organizations. Philadelphia: Temple University Press. 6. Schoech, D. et al. (1993). <i>Administration in Social work</i> 17, No.2.
15.	SOC 6034	Quản trị CTXH : Chính sách và hoạch định (<i>Administration in Social Work: Policy and Planning</i>)	3	1. Carlisle, H. M. (1987). <i>Management Essentials: Concepts for Productivity and Innovation</i> . Chicago: Science Research AsSOWiates. 2. Fulmer, R.M. (1988). <i>The new management</i> . New York: Macmillan. Gowdy, E.A. et al. (1993). <i>Administration in Social work</i> 17, No.1. 3. Hasenfeld, Y. (1985). <i>An introduction to human services management</i> . New York: Haworth Press. 4. Peters, T. (1987). <i>Handbook for a management revolution</i> . New York: Knopf 5. Resnick, H., & Rino, J.P. (Ed). (1980). <i>Change from within: Humanizing SOWial welfare organizations</i> . Philadelphia: Temple University Press. 6. Schoech, D. et al. (1993). <i>Administration in Social work</i> 17, No.2.
16.	SOC 6036	CTXH và chính sách xã hội với gia đình (<i>Social Work and Social policy for Family</i>)	2	1. Tài liệu về chính sách Gia đình và trẻ em của UB QG về Dân số Gia đình và Trẻ em 2. Adnopez, D. J., Grigsby, R.K. & Nagler, S.F. (1986). Multiproble, families and high-risk children and adolescent: Causes and management. In M. Lewis (Ed.), 3. <i>Child and adolescent psychiatry: A comprehensive textbook</i> (2nd.), pp. 1074-1080). Baltimore: William & Wilkins.
17.	SOC 6037	CTXH trong lĩnh vực y tế (<i>Social Work in Health Sector</i>)	2	M.J. Holosko and P.A. Taylor. <i>Social work in health care settings</i> . Canadian Scholar's Press, 1992
18.	SOC 6059	CTXH học đường (Social Work with School)	3	1. Alderson, J. J. (1972). Models of school social work practice. In R. C. Sarri & F. F. Maple (Eds.). <i>The school in the</i>

				community. (pp. 57-74). Washington, D.C.: NASW 2. Allen-Meares, P., Washington, R. O., & Welsh, B. L. (1996). Social work services in schools. 2nd ed. Boston: Allyn & Bacon 3. Costin, L. B. (1969). An analysis of the tasks in school social work. Social Service Review, 43, 274-285. 4. Raines, J. C. (2008). Evidence-based practice in school mental health. New York: Oxford University Press. 5. Richmond, M.E. (1922). What is social casework? An introductory description. NY: Russell Sage Foundation. 6. University of Illinois at Urbana Champaign. (n.d.). MSW program of study. Retrieved on November 25, 2003, from 7. Ward, B.R. (April 1995). The school's role in the prevention of youth suicide. [Electronic version]. Social work in education, 17(2) 92-101.
19.	SOC 6060	Bình đẳng giới và bạo lực gia đình: CTXH và pháp luật (Gender equality and domestic violence: Social work and law)	2	1. Nguyễn Văn Anh, Khuất Thu Hồng, Nguyễn Thị Vân Anh (2006), <i>Bạo lực tình dục và những rủi ro lây nhiễm HIV, những bằng chứng từ cuộc sống của phụ nữ</i>, Hà Nội. 2. Barbara A.K.Franklin (2001), <i>Báo cáo nghiên cứu, phân tích đối tượng truyền thông và chiến dịch truyền thông vì sự bình đẳng giới</i>, Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ. 3. Chính phủ Việt Nam, Liên Hợp Quốc (2010), <i>Kết quả từ nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình với phụ nữ ở Việt Nam</i>. 4. Csaga (2008), <i>Báo cáo Nhạy cảm giới trong các chương trình truyền hình của Đài truyền hình Việt Nam</i>, Hà Nội. Csaga (2010), <i>Truyền thông về Bạo lực gia đình sách hướng dẫn nhà báo và các chuyên gia trong lĩnh vực truyền thông</i>, Hà Nội
20.	SOC 6061	Thực hành CTXH tại cơ sở (Field education practicum)	2	Johnson, Louise và Stephen Yanca. <i>Thực hành Công tác xã hội: Một hướng tiếp cận tổng quát</i> . 8 th ed. Boston: Allyn và Bacon:2004.

				1. Kirst-Ashman, Karen. <i>Hiểu biết thực hành tổng quát</i>, 4th ed. Belmont, CA: Brook/Cole, 2006 2. Poulin, John. <i>Cơ sở đầy đủ của thực hành tổng quát</i>, 2nd ed. Belmont, CA: Books/Cole 2005 3. Eichler, Mike. <i>Sự nhất thống nhất tổ chức: Xây dựng cộng đồng về tính tư lợi liên hệ</i>. Thousand Oaks, CA: Sage, 2007. 4. Hardcaslte, David, Stanley Wenocur, và Patrica Powers. <i>Thực hành cộng đồng: Kỹ năng và Lý thuyết cho nhân viên Công tác xã hội</i>. 2nd ed. NewYork: Đại học Oxford ấn hành, 2004. 5. Weil, Marie. <i>Sổ tay thực hành cộng đồng</i>. Thousand Oaks, CA: Sage, 2005. 6. Walsh, Joseph. <i>Lý thuyết thực hành CTXH trực tiếp</i>. Belmont, CA: Brooks/Cole, 2006
21.	SOC 8019	Giáo dục Công tác xã hội (<i>Social work education</i>)	2	1. Nguyễn Thị Thu Hà. <i>Đổi mới công tác xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế: Lý luận và thực tiễn</i>. (387 trang) - (Sách chuyên khảo) – viết riêng. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. Giấy phép xuất bản số: 3220-QĐ/NXBCTQG ngày 26-04-2013. Hà Nội tháng 5/2013 2. Nguyễn Thị Thu Hà. <i>Đạo đức nghề công tác xã hội trên thế giới và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam</i>. Tạp chí Cộng sản online http://www.tapchicongsan.org.vn. Số 253 13/7/2012. 3. Nguyễn Thị Thu Hà. <i>Một số giải pháp đổi mới công tác xã hội Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế</i>. (tr.114-124) Tạp chí Xã hội học, ISSN 0866 – 7659, Viện Xã hội học – Viện Khoa học xã hội Việt Nam, số 1 (115) 2012.

				4. Lê Ngọc Hùng, Xã hội học giáo dục, NXB Lý luận chính trị, HN 2006 5. Nguyễn Thị Như Trang, <i>CTXH trong trường học</i>, Tập bài giảng 6. Tập thể tác giả - Chủ biên – Nguyễn Thị Kim Hoa – Công tác xã hội với người khuyết tật. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Quý II năm 2014. ISBN: 978-604-939-844-5 7. USAID, VNAH, sổ tay công tác xã hội hỗ trợ người khuyết tật, NXB Đà Nẵng 2012 8. USAID, VNAH, Tài liệu hướng dẫn phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, dành cho cộng tác viên, NXB Đà Nẵng 2012 9. Viện Nghiên cứu Phát triển xã hội, FORDFOUNDATION, Tài liệu hướng dẫn hoạt động giám kỳ thị và phân biệt đối xử với người khuyết tật, NXB Thanh niên, 2011. Nguyễn Thị Oanh, An sinh xã hội và những vấn đề xã hội, TP. HCM, 1997
22.	SOC 8020	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội (<i>Administration of Developing Organization for Providing Social services</i>)	2	Học liệu bắt buộc 1. Nguyễn Thị Kim Hoa (2014)(Bài giảng), Quản trị CTXH: Chính sách và hoạch định 2. Hà Văn Hội (2007), <i>Quản trị học- Những vấn đề cơ bản- tập 1</i> 3. Trịnh Thị Trinh (2011), Quản trị CTXH, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.

				Học liệu tham khảo 4. Quản trị học trong toàn cầu hóa- Trần Thanh mẫn (2006) 5. Tài liệu Quản trị công tác xã hội – Nguyễn Văn Gia – Đại học Lao động xã hội. 6. Hành chính nhà nước và công nghệ hành chính- GS TS Đinh Văn Mậu, GS TSKH Nguyễn Văn Thắm và PGS.TS Võ Kim Sơn, nhà xuất bản khoa học kỹ thuật, Hà Nội, 7. Tài liệu hướng dẫn xây dựng mô hình Trung tâm Công tác xã hội và nghiệp vụ quản lý trường hợp. Nhà xuất bản thống kê năm 2011. 8. Cordero, Erlinda, Gutierrez, Consuelo and Pangalangan, Evelina. (1985). Administration and Supervision in Social Work. Manila: Schools of Social Work Association of the Philippines. 9. Donna Hardina, PhD; Jane Middleton, DSW; Salvador Montana, MSW, PhD(c); Roger A. Simpson, PhD (2007): An Empowering Approach to Managing Social Service Organizations - Springer Publishing Company - New York.
23.	SOC 8021	Bất bình đẳng và đói nghèo (Poverty and Inequanlity)	2	1. Ban chỉ đạo tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (2010). <i>Tổng điều tra dân số và nhà ở trung ương năm 2009: các kết quả chủ yếu</i>. Hà Nội. Nxb. Thống kê. 2. Lê Duy Đồng, Nguyễn Thị Hằng (2005). Phân phối và phân

				hóa giàu nghèo sau 20 năm đổi mới. Hà Nội. Nxb. Lao động – Xã hội. 3. Đỗ Thiên Kính (2003). <i>Phân hóa giàu – nghèo và tác động của yếu tố học vấn đến nâng cao mức sống cho người dân Việt Nam</i>. Hà Nội. Nxb. Khoa học xã hội. 4. Trần Xuân Kiên, Đỗ Nguyên Phương (2010). <i>Cơ cấu xã hội Việt Nam và những vấn đề bức xúc trong quá trình đổi mới</i>. Hà Nội. Nxb. Chính trị quốc gia. 5. Lê Ngọc Hùng, Lê Hữu Nghĩa (2010). <i>Cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội trong điều kiện đổi mới ở Việt Nam</i>. Hà Nội. Nxb. Chính trị quốc gia.
24.	SOC 8022	Đánh giá ban đầu trong chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng (<i>Healthcare Pre-assessment in Community</i>)	2	Học liệu bắt buộc 1. Franklin, C., & Warren, K. (1999). Advances in systems theory. In C. Franklin & C. Jordan (Eds.), <i>Family practice: Brief systems methods for social work</i>. Pacific Grove, CA: Brooks/Cole. 2. Henggeler, S. W. (1999). Multisystemic therapy: An overview of clinical procedures, outcomes, and policy implications. <i>Child Psychology and Psychiatry Review</i>, 4, 2-10. 3. Lê Văn Phú, <i>Nhập môn Công tác xã hội</i>, NXB Đại Học Quốc gia, 4. Leslie Hicks (2006), <i>Social Work Research and Evaluation: Quantitative and Qualitative Approaches</i>, Journal of Social Work, 2006- 6: 1.

			5. Nguyễn Ngọc Lâm, <i>Công tác xã hội với cá nhân</i>, Tài liệu tập huấn 6. Nguyễn Ngọc Lâm, <i>Công tác xã hội nhóm</i>, ĐH Mở bán công TP HCM, 2006 7. Nguyễn Thị Oanh, <i>Công tác xã hội đại cương</i>, ĐH Mở Bán công TP HCM, 1994 8. Rachelle A. Dorfman, <i>Clinical Social Work: Definition, Practice and Vision</i>, Brunner/Mazel, New York, 1996. Học liệu tham khảo 1. Babcock, J. C., Green, C. E., & Robie, C. (2004). Does batterers' treatment work? A meta-analytic review of domestic violence treatment. <i>Clinical Psychology Review</i>, 23, 1023-1053. 2. Del Vecchio, T., O'Leary, K. D. (2004). Effectiveness of anger treatment for specific anger problems: A meta-analytic review. <i>Clinical Psychology Review</i>, 24, 15-34. 3. Dobson, K. S., & Dozois, D. J. A. (2004). Attentional biases in eating disorders: A meta-analytic review of Stroop performance. <i>Clinical Psychology Review</i>, 23, 1001-1022. 4. Franklin, C., Grant, D., Corcoran, J., O'Dell-Miller, P., & Bultman, L. (1997). The effectiveness of prevention programs for adolescent pregnancy: A meta-analysis. <i>Journal of Marriage and the Family</i>, 59, 551-567. 5. Gorey, K. M. (1996). Effectiveness of social work intervention research: Internal verses external evaluations. <i>Social Work Research</i>, 20, 119-128. 6. Gorey, K. M., Thyer, B. A., & Pawluck, D. E. (1998). Differential effectiveness of prevalent social work practice models: A meta-analysis. <i>Social Work</i>, 43 (3), 269-278. 7. Shadish, W. R., & Baldwin, S. A. (2003). Meta-analysis of MFT
--	--	--	--

				interventions. <i>Journal of Marital & Family Therapy</i>, 29(4), 547-570. 8. Scruggs, T.E. & Mastropieri, M.A. (1998). Summarizing single subject research: Issues and applications. <i>Behavior Modification</i>, 22 3, 221-242.
25.	SOC 8023	Thiết kế và triển khai nghiên cứu trong Công tác xã hội (<i>Designing and Performing Social work Research</i>)	2	1. Babbie, Earl. 2004. <i>The Practice of Social Research</i>. Belmont, CA: Wadsworth. 2. Baker, L Therese. 1998. "Thực hành nghiên cứu xã hội." Hà Nội: Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia. 3. Booth, C Wayne, G Gregory Coloms, and M Joseph Williams. 2003. "The Craft of Research." Chicago, London: The University of Chicago Press. 4. Creswell, Jonh W. 2003. <i>Research Design: Qualitative, Quantitative, and Mixed Methods Approaches</i>. Thousand Oaks: SAGE. 5. Phạm văn Quyết and Nguyễn Quý Thanh. 2001. <i>Phương pháp nghiên cứu xã hội học</i>. Hà Nội: Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội. 6. Vũ Cao Đàm. 2009. <i>Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>. Hà Nội: Nhà Xuất bản Giáo dục.
26.	SOC 8024	Tôn giáo và công tác xã hội (<i>Religion and Spirituality and Social work</i>)	2	CHƯA ĐỦ
27.	SOC 8025	Các lý thuyết và mô hình tổ chức cộng đồng (<i>Models and Theories of</i>	2	1. Trần Văn Kham và Trịnh Văn Tùng (2014), “Phát triển cộng đồng” trong Nguyễn Thị Kim Hoa (chủ biên), <i>Công tác xã hội với người khuyết tật</i>, Hà Nội, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

		Community Organization)		2. Tô Duy Hợp và Lương Hồng Quang (2000), <i>Phát triển cộng đồng: lý thuyết và vận dụng</i>, Hà Nội, Nxb. Văn hóa – Thông tin. 3. Phạm Văn Quyết – Nguyễn Quý Thanh 2012, <i>Phương pháp nghiên cứu xã hội học</i>, Hà Nội, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội. 4. Trịnh Văn Tùng (2013), <i>Tập bài giảng Tổ chức và phát triển cộng đồng – 05 cách tiếp cận phát triển cộng đồng</i>, Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Công tác xã hội. 5. Trịnh Văn Tùng (2014), <i>Xã hội học kinh tế</i> (bản dịch) từ Didier Lebert (2012), <i>Sociologie économique</i>, Paris, Nxb. Seuil. 6. Malcom Payne (1987), <i>The theory of modern social work</i>, Nxb. Lyceum Books, INC, 5758 S.Blackstone Avenue, Chicago, 1997. 7. Herbert J. Rubin, Irene Rubin (2008), <i>Community organizing and development</i>, Pearson/Allyn & Bacon.
28.	SOC 8026	Công tác xã hội với người già và trẻ em (<i>Social work with Children and the Elderly</i>)	2	1. Nguyễn Thị Kim Hoa (chủ biên), <i>Giáo trình CTXH với người khuyết tật</i>, , NXB ĐHQG 2014. 2. <i>Công tác xã hội với trẻ em làm trái pháp luật</i>, NXB Lao động – Xã hội, 2000.

				3. Trần đình Tuấn: <i>Lý thuyết và Thực hành CTXH</i>, NXB ĐHQG, 2009 4. <i>Định hướng chính sách và hệ thống văn bản pháp luật trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn</i>, Bộ Lao động Thương binh Xã hội, NXB Lao động – Xã hội, 2007 5. Nguyễn Hải Hữu, <i>An sinh xã hội</i>, NXB Lao động – Xã hội, 2007 6. Vũ Ngọc Bình, <i>Quyền trẻ em trong luật quốc gia và quốc tế</i>, NXB Chính trị quốc gia, 1995 7. David Werner, <i>Người khuyết tật và cộng đồng</i>, NXB TP. HCM 2000 8. Kethryn geldard, <i>Công tác tham vấn trẻ em</i>, Đại học Mở 2000
29.	SOC 8027	Công tác xã hội với người có hành vi vi phạm pháp luật (Social work with People violating laws)	2	1. Nguyễn Thị Như Trang, <i>Công tác xã hội với người có hành vi vi phạm pháp luật</i>, Tập bài giảng 2. Trần Đức Châm (2012), <i>Xã hội học tội phạm</i>, Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia 3. Dương Tuyết Miên (chủ biên, 2010), <i>Tội phạm học</i>, Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam
10	ENG 8001	Tiếng Anh học thuật nâng cao (<i>Advanced Academic English</i>)	4	Theo yêu cầu cụ thể của giáo viên hướng dẫn và phù hợp với hướng nghiên cứu của đề tài luận án
	RUS 8001	Tiếng Nga học thuật nâng cao	4	Theo yêu cầu cụ thể của giáo viên hướng dẫn và phù hợp với

		<i>(Advanced Academic Russian)</i>		hướng nghiên cứu của đề tài luận án
	FRE 8001	Tiếng Pháp học thuật nâng cao <i>(Advanced Academic French)</i>	4	Theo yêu cầu cụ thể của giáo viên hướng dẫn và phù hợp với hướng nghiên cứu của đề tài luận án
30.	SOC 8028	Can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật trí tuệ <i>(Early Intervention for Children with Mental illness)</i>	2	1. Brammer, M.L (1979). The helping skills. (2 nd Ed). Prentice Hall, Inc., Englewood Cliffs, New Jersey 07632. 2. Criernik, R & Row.S.W (2003). Responding to the Oppression of Addiction: Canadian Social Work Perspective. Canadian Scholar Inc. 3. Duong Anh Vuong, EwoutVanGinneken, JodiMorris, SonThaiHa, ReinhardBusse (2011). Mental health in Vietnam: Burden of disease and availability of services. Asian Journal of Psychiatry. 4. Hershenson, D.B & Seligman, D. (1989). Mental health Counselling Theory. Journal of mental health counselling. Vol.11(1). Sage Publication. 5. Kichener BA, Jorm AF & Kanowski LG, Cẩm nang cấp cứu tâm thần: Vietnamese Mental Health First Aid Manual, 2008. 6. Okun, F.B.(1986). Effective helping: Interviewing and Counseling techniques. (3 rd Ed). Brooks/Cole Publishing Company. 7. Tổ chức Y tế Thế giới, ICD 10 về các rối loạn tâm thần, 2005. 8. Tổ chức Y tế thế giới, Management of Mental Disorder, 1997. 9. Vikram Patel, Nơi không có bác sỹ tâm thần. 10. World Health Organization (2003). Mental Health Legislation and Human Rights 11. World Health Organization (2003). Organization of Services for Mental Health

				12. World Health Organization (2005). Mental Health Policy, Plans and Programs
31.	SOC 8029	Công tác xã hội với gia đình và nhóm (<i>Social work with Group and Family</i>)	2	Tài liệu bắt buộc 1. Bùi Thị Xuân Mai, (2008). <i>Giáo trình tham vấn gia đình- , nhà xuất bản lao động.</i> 2. Trần đình Tuấn: <i>Lý thuyết và Thực hành CTXH</i>, NXB ĐHQG, 2009 3. Nguyễn Thị Oanh, (2009). <i>Gia đình và trẻ em trước những thử thách mới</i>, Nhà xuất bản trẻ. 4. NXB Chính Trị Quốc Gia (2009). Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Danh mục tài liệu tham khảo thêm: 1. Allie C. And thomas P. Holland, Working with families, Peason Education, 2003. 2. Becvar, Dorothy Stroth & Becvar Raphael J. (2006). Family Therapy: A Systemic Integration. Sixth Ed. Boston, MA: Allyn and Bacon. 3. Trần Kim Xuyên. <i>Gia Đình Và Những Vấn Đề Của Gia Đình Việt Nam Hiện Đại</i>, NXB Thống Kê. 4. Vũ Hào Quang (chủ biên). Gia Đình Việt Nam: Quan Hệ,

			Quyền Lực Và Xu Hướng Biến Đổi, NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội. 5. Đặng, Cảnh Khanh & Lê, Thị Quý(2007). Gia Đình Học. Nhà Xuất Bản Lý Luận Chính Trị. Hà Nội, Việt Nam. 6. Lan Anh (2009). Hỏi Đáp Về Luật Phòng, Chống Bạo Lực Gia Đình, NXB Chính Trị Quốc Gia. 7. Trịnh Duy Luân, Helle Rydstrom, và Wil Burghoorn (2008). Gia Đình Nông Thôn Việt Nam Trong Chuyển Đổi, NXB Khoa Học Xã Hội. 8. Ủy Ban Dân Số, Gia Đình Và Trẻ Em. Những Nội Dung Chủ Yếu Của Chiến Lược Xây Dựng Gia Đình Việt Nam Giai Đoạn 2005-2010. 9. Lê Thi (2002). Gia Đình Việt nam Trong Bối Cảnh Đất Nước Đổi Mới, NXB Khoa Học Xã Hội. 10. Viện Xã Hội Học (1991). Những Nghiên Cứu Xã Hội Học Về Gia Đình Việt Nam, NXB Khoa Học Xã Hội. 11. Kilpatrick, Allie C. & Holland, Thomas P. (2006). Working With Families: An Integrative Model by Level of Needs. Fourth Ed. Boston, MA: Allyn and Bacon. 12. Patterson, Lewis E. & Welfel, Elizabeth Reynolds (2000). The Counseling Process. Fifth Ed., Belmont, CA: Brooks/Cole.
--	--	--	---

				13. Phan Ngọc (2001). <i>Bản Sắc Văn Hóa Việt Nam</i>. Nhà Xuất Bản Văn Học. Hà Nội, Việt Nam. 14. Bilides, D. (1991). Race, color, ethnicity, and class: Issues of biculturalism in school-based adolescent counseling groups. <i>Social Work with Groups</i>, 13(4), 43-58.
32.	SOC 8030	Phân tích chính sách xã hội (<i>Social policy analysis</i>)	2	1. Bùi Đình Thanh (chủ biên, 1993). <i>Chính sách xã hội - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn</i>. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Hà Nội. 2. Fischer, Frank, Gerald J Miller, and Sidney. Mara S (Eds. 2007. <i>Hanbook of Public Policy Analysis - Theory, Politics, and Methods</i>. Boca Raton, London, New York: CRC Press. 3. G. Gil, David. 1970. "A Systematic Approach to Social Policy Analysis." <i>Social Service Review</i> 44:411-426. 4. Lupton, Ruth, Tania Burchardt, John Hills, Ketty Stewart, and Polly Vizard. 2013. "A Framework for Analysing the Effects of Social Policy." <i>The London of Economics and Political Science</i>. 5. McCargo, Duncan. 2004. <i>Rethinking Vietnam</i>. London, New York: RoutledgeCurzon. 6. The World Bank. 2007. <i>Tools for Institutional, Political, and</i>

				<i>Social Analysis of Policy Reform - A Sourcebook for Development Practitioners.</i> Washington, DC: The international Bank for Reconstruction and Development. 7. Weimer, David and Aidan R. Vining. 2010. <i>Policy Analysis: Concepts and Practice</i>: Pearson.
8.	SOC 8031	Lịch sử và lý thuyết Phúc lợi xã hội <i>(Social welfare Theories and History)</i>	2	1. Dixon, John E and David (Eds) MacArov. 1992. <i>Social Welfare in Socialist Countries</i>. London: Routledge. 2. Handel, Gerald 2009. <i>Social Welfare in Western Society</i>. New Brunswick: Transaction Publishers. 3. McCargo, Duncan. 2004. <i>Rethinking Vietnam</i>. London, New York: RoutledgeCurzon. 4. Midgley, James. 1997. <i>Social Welfare in Global Context</i>. Thousand Oaks, London, New Delhi: SAGE
9.	SOC 8032	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt <i>(Social work with Children with Special Circumstances)</i>	2	Tài liệu bắt buộc • Nguyễn Thị Kim Hoa (chủ biên), Giáo trình <i>CTXH với người khuyết tật</i>, NXB ĐHQG 2014. • <i>Công tác xã hội với trẻ em làm trái pháp luật</i>, NXB Lao động – Xã hội, 2000. • Trần đình Tuấn: <i>Lý thuyết và Thực hành CTXH</i>, NXB ĐHQG, 2009

				• <i>Định hướng chính sách và hệ thống văn bản pháp luật trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn</i>, Bộ Lao động Thương binh Xã hội, NXB Lao động – Xã hội, 2007 Tài liệu tham khảo • Nguyễn Hải Hữu, <i>An sinh xã hội</i>, NXB Lao động – Xã hội, 2007 • Vũ Ngọc Bình, <i>Quyền trẻ em trong luật quốc gia và quốc tế</i>, NXB Chính trị quốc gia, 1995 • David Werner, <i>Người khuyết tật và cộng đồng</i>, NXB TP. HCM 2000 • Kethryn geldard, <i>Công tác tham vấn trẻ em</i>, Đại học Mở 2000.
10.	SOC 8033	Công tác xã hội với nhóm mại dâm, sử dụng ma túy, nhiễm HIV/AIDS <i>(Social work with group of prostitution, substance – abused and effected by HIV/AIDS)</i>	2	1. Nguyễn Hồi Loan (2013), Quản lý trường hợp người sử dụng ma túy, sách chuyên khảo, NXB LĐ-XH. 1. UNICEF Việt Nam (2012), Tài liệu tập huấn tham vấn cho trẻ em bị nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS. 2. USAID (2011), Tìm hiểu và giảm kỳ thị liên quan đến mại dâm và HIV ở Việt Nam, NXB Dân trí, Hà Nội. 3. USAID (2011), Tìm hiểu và giảm kỳ thị liên quan đến người nghiện chích ma túy và HIV ở Việt Nam, NXB Dân trí, Hà Nội.

				4. USAID (2010), Tìm hiểu và giảm kỳ thị liên quan đến nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới và HIV, NXB Phụ nữ, Hà Nội. 5. UNICEF Việt Nam (2012), Tài liệu tập huấn tham vấn cho trẻ em bị nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS. 6. USAID (2011), Tìm hiểu và giảm kỳ thị liên quan đến mại dâm và HIV ở Việt Nam, NXB Dân trí, Hà Nội. 7. USAID (2011), Tìm hiểu và giảm kỳ thị liên quan đến người nghiện chích ma túy và HIV ở Việt Nam, NXB Dân trí, Hà Nội. 12. USAID (2010), Tìm hiểu và giảm kỳ thị liên quan đến nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới và HIV, NXB Phụ nữ, Hà Nội.
11.	SOC 8034	Công tác xã hội với phụ nữ bị bạo lực gia đình <i>(Social work with Domestic Violence)</i>	2	Học liệu bắt buộc 5. Chính phủ Việt Nam, Liên hiệp quốc(2010), <i>Kết quả từ nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình với phụ nữ ở Việt Nam.</i> 6. Nguyễn Thị Kim Hoa (2010), Báo cáo tổng kết dự án "Phân tích và đánh giá việc thực hiện bình đẳng trong phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới kể cả phòng, chống bạo lực gia đình Việt Nam giai đoạn 2005 – 2010" 7. Nguyễn Thị Kim Hoa (2012) Giáo trình trung cấp nghề. Công tác xã hội với bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, NXB Lao động xã hội 8. <i>Luật Phòng, chống Bạo lực gia đình</i>, NXB Chính trị

				Quốc gia. (2008) 9. Trần Tuyết Ánh, Nguyễn Hữu Minh, Hoa Hữu Vân (Chủ biên) (2013), <i>Bạo lực gia đình ở Việt Nam và giải pháp phòng, chống</i> (Phân tích số liệu điều tra năm 2012), NXB Lao động. Học liệu tham khảo 10.Csaga (2008), Báo cáo <i>Nhạy cảm giới trong các chương trình truyền hình của Đài truyền hình Việt Nam</i>, Hà Nội. 11.Csaga (2010), <i>Truyền thông về Bảo lực gia đình sách hướng dẫn nhà báo và các chuyên gia trong lĩnh vực truyền thông</i>, Hà Nội. 12.Trần Thị Minh Đức (Chủ biên) (2006), <i>Định kiến và phân biệt đối xử theo giới. Lý thuyết và thực hành</i>. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. 13. Nguyễn Thị Hoài Đức và các cộng sự (2001), <i>Bạo lực gia đình chống lại phụ nữ - thái độ và thực Hành của nhân viên y tế đối với nạn nhân của bạo lực gia đình chống lại phụ nữ</i>, Trung tâm sức khỏe Phụ nữ và Gia đình/ RaFH và Đại sứ quán Newzealand, Hà Nội. 14. Heise L., Pitanguy, J.và Germain, A. (1994). <i>Bạo lực đối với phụ nữ: gánh nặng sức khỏe đang bị che giấu</i>, Tài liệu thảo luận của Ngân hàng Thế giới. 15.Ngân hàng Thế giới, <i>Báo cáo phát triển thế giới 2012. Bình đẳng giới và phát triển</i>. 16.Lê Thị Quý, Đặng Vũ Cảnh Linh, (2007), <i>Bạo lực gia đình – Một sự sai lệch giá trị</i>, NXB Khoa học xã hội
12.	SOC 8035	Trầm cảm và kỹ năng kiểm soát trầm cảm trong chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng	2	Tài liệu bắt buộc: 1. Sidney Bloch – Bruces Singh, <i>Cơ sở của lâm sàng tâm</i>

		đồng. <i>(Depression and skill for controlling depression in mental healthcare in community)</i>		thần học, sách dịch, NXB Y học, 2003 2. Nguyễn Sinh Thợ, Bệnh trầm cảm trong xã hội hiện đại, cách nhận diện và phòng tránh, NXB Phụ nữ, 2007 2. Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội (2011). Hướng dẫn triển khai đề án trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng (giai đoạn 2011- 2020). Nhà xuất bản thông tin và truyền thông. Tài liệu tham khảo 1. Lyon DE, Morgan-Judge T. Childhood depressive disorders. J Sch Nurs. 2000 2. Chavira DA, Stein MB, Bailey K, Stein MT. Comorbidity of generalized social anxiety disorder and depression in a pediatric primary care sample. J Affect Disord. 2004 3. Henin A, Biederman J, Mick E, et al. Psychopathology in the offspring of parents with bipolar disorder: a controlled study. Biol Psychiatry. 2005 4. Cheung AH, Emslie GJ, Mayes TL. A review of the efficacy and safety of antidepressants in youth depression. J Child Psychol Psychiatry. 2005
13.	SOC 8036	Công tác xã hội với gia đình đa văn hóa	2	Hoàng Bá Thịnh.2010. <i>Phụ nữ Việt Nam lấy chồng Hàn Quốc</i>, Đại học Quốc gia Hà Nội

		(Social work with multi-cultural family)		Trần Đình Tuấn. 2010. <i>Công tác xã hội Lý thuyết và thực hành</i>; Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội Phan An và cộng sự. 2005. <i>Phụ nữ Việt Nam lấy chồng Đài Loan</i>; Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh Mary Patricia Van Hook. 2013. <i>Social Work Practice with Families: A Resiliency- Based Approach</i>; Second edition; Lyceum Books; Malcom P. 1997. <i>Modern Social Work Theory</i>, Second edition; MacMillan Press
14.	SOC 8037	Các cách tiếp cận phát triển cộng đồng (Community development approaches)	2	• Hoàng Anh Dũng (2011), <i>Tiếp cận phát triển cộng đồng dựa vào tài sản cộng đồng (tiếp cận ABCD)</i>”, Bản tin số 007, Viện nghiên cứu xã hội. • Trần Văn Kham và Trịnh Văn Tùng (2014), “Phát triển cộng đồng” trong Nguyễn Thị Kim Hoa (chủ biên), <i>Công tác xã hội với người khuyết tật</i>, Hà Nội, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội. • Tô Duy Hợp và Lương Hồng Quang (2000), <i>Phát triển cộng đồng: lý thuyết và vận dụng</i>, Hà Nội, Nxb. Văn hóa – Thông tin. • Nguyễn Thị Oanh (1995), <i>Phát triển cộng đồng</i>, Khoa Phụ

				nữ học, TP. Hồ Chí Minh, Đại học Mở Bán công TP.HCM. • Phạm Văn Quyết – Nguyễn Quý Thanh 2012, <i>Phương pháp nghiên cứu xã hội học</i>, Hà Nội, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội. • Trịnh Văn Tùng (2013), <i>Tập bài giảng Tổ chức và phát triển cộng đồng – 05 cách tiếp cận phát triển cộng đồng</i>, Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Công tác xã hội. • Phạm Huỳnh Thanh Vân (2007), <i>Kỹ năng phát triển triển cộng đồng</i> (tài liệu tập huấn phương pháp tiếp cận dựa vào nội lực để phát triển cộng đồng), Đại học An Giang.
15.	SOC 8038	Đánh giá các tiếp cận phát triển cộng đồng ở Việt Nam hiện nay (Current community development apporoachs Assesment in Viet Nam)	2	• Hoàng Anh Dũng (2011), <i>Tiếp cận phát triển cộng đồng dựa vào tài sản cộng đồng (tiếp cận ABCD)</i>”, Bản tin số 007, Viện nghiên cứu xã hội. • Trần Văn Kham và Trịnh Văn Tùng (2014), “Phát triển cộng đồng” trong Nguyễn Thị Kim Hoa (chủ biên), <i>Công tác xã hội với người khuyết tật</i>, Hà Nội, Nxb. Đại học

				Quốc gia Hà Nội. • Tô Duy Hợp và Lương Hồng Quang (2000), <i>Phát triển cộng đồng: lý thuyết và vận dụng</i>, Hà Nội, Nxb. Văn hóa – Thông tin. • Nguyễn Thị Oanh (1995), <i>Phát triển cộng đồng</i>, Khoa Phụ nữ học, TP. Hồ Chí Minh, Đại học Mở Bán công TP.HCM. • Phạm Văn Quyết – Nguyễn Quý Thanh 2012, <i>Phương pháp nghiên cứu xã hội học</i>, Hà Nội, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội. • Trịnh Văn Tùng (2013), <i>Tập bài giảng Tổ chức và phát triển cộng đồng – 05 cách tiếp cận phát triển cộng đồng</i>, Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Công tác xã hội. • Phạm Huỳnh Thanh Vân (2007), <i>Kỹ năng phát triển triển cộng đồng</i> (tài liệu tập huấn phương pháp tiếp cận dựa vào nội lực để phát triển cộng đồng), Đại học An Giang.
16.	SOC 8039	Vốn xã hội và phát triển cộng	2	CHƯA CÓ

		đồng (<i>Social Capital and Community Development</i>)		
17.	SOC 8040	Lý thuyết về hành vi lệch chuẩn (<i>Theory of Deviation Behaviour</i>)	2	• Nguyễn Thị Như Trang, <i>Lý thuyết lệch chuẩn</i>, Tập bài giảng • Trần Đức Châm (2012), <i>Xã hội học tội phạm</i>, Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia • Dương Tuyết Miên (chủ biên, 2010), <i>Tội phạm học</i>, Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam
18.	SOC 8041	CTXH với người vị thành niên vi phạm pháp luật (<i>Social work with Violation of Juvenile</i>)	2	• Nguyễn Thị Như Trang, <i>Công tác xã hội với vị thành niên vi phạm pháp luật</i>, Tập bài giảng • Trần Đức Châm (2012), <i>Xã hội học tội phạm</i>, Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia • Dương Tuyết Miên (chủ biên, 2010), <i>Tội phạm học</i>, Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam
19.	SOC 8042	Mô hình chăm sóc người cao tuổi (<i>Model for Caring the Elderly</i>)	2	1. Bộ Tư pháp: <i>Luật người cao tuổi</i>. NXB Tư pháp, Hà Nội, 2010. 2. Nguyễn Thị Kim Hoa (chủ biên) (2012), Tài liệu Công tác xã hội trợ giúp người cao tuổi, NXB lao động – xã hội 3. Nguyễn Thị Kim Hoa (chủ biên) (2014), Giáo trình Công tác xã hội với người cao tuổi. 4. Đặng Vũ Cảnh Linh (2009) <i>Người cao tuổi và các mô hình chăm sóc người cao tuổi ở Việt Nam</i>, NXB Dân trí. 5. Đinh Văn Tư, Nguyễn Thế Huệ (2010) <i>Nâng cao chất</i>

				<i>lượng hoạt động của Hội người cao tuổi Việt Nam trong thời kỳ mới.</i> NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
20.	SOC 8043	Các mô hình phòng chống bạo lực gia đình tại Việt Nam <i>(Models for Domestic Violence Prevention in Viet Nam)</i>	2	Học liệu bắt buộc 1. Csaga (2010), <i>Truyền thông về Bạo lực gia đình sách hướng dẫn nhà báo và các chuyên gia trong lĩnh vực truyền thông</i>, Hà Nội. 2. Nguyễn Thị Hoài Đức và các cộng sự (2001), <i>Bạo lực gia đình chống lại phụ nữ - thái độ và thực Hành của nhân viên y tế đối với nạn nhân của bạo lực gia đình chống lại phụ nữ</i>, Trung tâm sức khỏe Phụ nữ và Gia đình/ RaFH và Đại sứ quán Newzealand, Hà Nội. 3. Nguyễn Thị Kim Hoa (2010), Báo cáo tổng kết dự án "Phân tích và đánh giá việc thực hiện bình đẳng trong phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới kể cả phòng, chống bạo lực gia đình Việt Nam giai đoạn 2005 – 2010" 4. Nguyễn Thị Kim Hoa (2012) Giáo trình trung cấp nghề. Công tác xã hội với bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, NXB Lao động xã hội 5. <i>Luật Phòng, chống Bạo lực gia đình</i>, NXB Chính trị Quốc gia. (2008) Học liệu tham khảo 6. Trần Tuyết Ánh, Nguyễn Hữu Minh, Hoa Hữu Vân (Chủ biên) (2013), <i>Bạo lực gia đình ở Việt Nam và giải pháp phòng, chống</i> (Phân tích số liệu điều tra năm 2012), NXB Lao động. 7. Chính phủ Việt Nam, Liên hiệp quốc(2010), <i>Kết quả từ nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình với phụ nữ ở Việt Nam.</i>

				8. Csaga (2008), Báo cáo <i>Nhạy cảm giới trong các chương trình truyền hình của Đài truyền hình Việt Nam</i>, Hà Nội. 9. Csaga (2010), <i>Truyền thông về Bạo lực gia đình sách hướng dẫn nhà báo và các chuyên gia trong lĩnh vực truyền thông</i>, Hà Nội. 10. Trần Thị Minh Đức (Chủ biên) (2006), <i>Định kiến và phân biệt đối xử theo giới. Lý thuyết và thực hành</i>. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. 11. Heise L., Pitanguy, J.và Germain, A. (1994). <i>Bạo lực đối với phụ nữ: gánh nặng sức khỏe đang bị che giấu</i>, Tài liệu thảo luận của Ngân hàng Thế giới. 12. Ngân hàng Thế giới, <i>Báo cáo phát triển thế giới 2012. Bình đẳng giới và phát triển</i>. 13. Lê Thị Quý, Đặng Vũ Cảnh Linh, (2007), <i>Bạo lực gia đình – Một sự sai lệch giá trị</i>, NXB Khoa học xã hội
21.	SOC 8044	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần với trẻ tự kỷ tại cộng đồng <i>(Social work with mental healthcare for Austim Children in Community)</i>	2	Học liệu bắt buộc 9. Jean-Noel Christine (2013). <i>Hiểu tự kỷ</i>, NXB Tri thức 10. Jean-Noel Christine (2013). <i>Giải thích chứng tự kỷ cho cha mẹ</i>, NXB Tri thức 11. BasicNeeds, Tài liệu tập huấn giảng viên nguồn cho cán bộ y tế cộng đồng về SKTT, 2011. 12. Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội (2011). Hướng dẫn triển khai đề án trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng (giai đoạn 2011- 2020). Nhà xuất bản thông tin và truyền thông. 13. Đặng Bá Lâm (2007). Giáo dục, tâm lý và SKTT trẻ em Việt nam: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn liên ngành. Nhà xuất

				bản Đại học Quốc gia Hà Nội 14. Võ Văn Bản (2002). Thực hành Điều trị tâm lý. Nhà xuất bản Y học <i>Học liệu tham khảo</i> 13. Brammer, M.L (1979). The helping skills. (2 nd Ed). Prentice Hall, Inc., Englewood Cliffs, New Jersey 07632. 14. Criernik, R & Row.S.W (2003). Responding to the Oppression of Addiction: Canadian Social Work Perspective. Canadian Scholar Inc. 15. Duong Anh Vuong, EwoutVanGinneken, JodiMorris, SonThaiHa, ReinhardBusse (2011). Mental health in Vietnam: Burden of disease and availability of services. Asian Journal of Psychiatry. 16. Hershenson, D.B & Seligman, D. (1989). Mental health Counselling Theory. Journal of mental health counselling. Vol.11(1). Sage Publication. 17. Kichener BA, Jorm AF & Kanowski LG, Cẩm nang cấp cứu tâm thần: Vietnamese Mental Health First Aid Manual, 2008. 18. Okun, F.B.(1986). Effective helping: Interviewing and Counseling techniques. (3 rd Ed). Brooks/Cole Publishing Company. 19. Tổ chức Y tế Thế giới, ICD 10 về các rối loạn tâm thần, 2005. 20. Tổ chức Y tế thế giới, Management of Mental Disorder, 1997. 21. Vikram Patel, Nơi không có bác sỹ tâm thần. 22. World Health Organization (2003). Mental Health Legislation and Human Rights 23. World Health Organization (2003). Organization of Services for Mental Health 24. World Health Organization (2005). Mental Health Policy, Plans
--	--	--	--	--

				and Programs.
22.	SOC 8045	Các mô hình giáo dục đặc biệt đối với người khuyết tật <i>(Models of Special Education for People with Disability)</i>	2	1. Trần Thị Lệ Thu (2010), Đại cương can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật trí tuệ. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, mã số: 2L-87ĐH2010; QĐXB: 37-2010/CXB/04-224/ĐHQGHN ngày 26/02/2010 2. Can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật mầm non, Bộ Giáo dục đào tạo, Vụ giáo viên, 2003 3. Trịnh đức Duy (chủ biên), Sổ tay giáo dục trẻ khuyết tật ở Việt Nam, NXB Sự Thật, 1992. 4. Tập thể tác giả - Chủ biên – Nguyễn Thị Kim Hoa – Công tác xã hội với người khuyết tật. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Quý II năm 2014. ISBN: 978-604-939-844-5 5. Nguyễn Thị Hoàng Yến, Nhập môn giáo dục đặc biệt, TLTK, 2003 6. Nguyễn Thị Thu Hà. Đạo đức nghề công tác xã hội trên thế giới và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam. Tạp chí Cộng sản online http://www.tapchicongsan.org.vn. Số 253 13/7/2012. 7. USAID, VNAH, sổ tay công tác xã hội hỗ trợ người khuyết tật, NXB Đà Nẵng 2012 8. USAID, VNAH, Tài liệu hướng dẫn phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, dành cho cộng tác viên, NXB Đà Nẵng 2012 9. Vũ Ngọc Bình, Trẻ em tàn tật và quyền của các em, NXB lao động xã hội, 2001 10. Kirk Gallagher Anastasiow, Giáo dục trẻ có nhu cầu

				đặc biệt, Bản dịch tiếng việt - Nguyễn Thị Thục An, Khoa Giáo dục Đặc biệt – ĐHSP Hà Nội, 2006 11. Claude Della-Courtiade, chăm sóc trẻ khuyết tật tại nhà, tài liệu dịch, 2000 12. Nguyễn Công Khanh, Tâm lý trị liệu, NXB ĐHQG Hà Nội, 1997 3C
23.	SOC 8028	Tiểu luận tổng quan (<i>Doctoral Dissertation Literature Review</i>)	2	Tùy thuộc theo từng đề tài luận án
41	SOC 9002	Luận án tiến sĩ (<i>Doctoral Dissertation</i>)	70	Tùy thuộc theo từng đề tài luận án
		Tổng cộng	131	

4. ĐỘI NGŨ GIẢNG DẠY

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ: TS Mã số các học			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
I.	PHẦN 1: KHỐI KIẾN THỨC BỔ SUNG (Các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ)						
I.1	Khối kiến thức chung		7				

1.	PHI 5001	Triết học (<i>Philosophy</i>)	3	Khoa Triết học		Triết học	Đại học Quốc gia Hà Nội
2.	ENG 5001	Tiếng Anh cơ bản (<i>Basic English</i>)	4	Trường ĐH Ngoại ngữ		Ngoại ngữ	Đại học Quốc gia Hà Nội
	RUS 5001	Tiếng Nga cơ bản (<i>Basic Russian</i>)		Trường ĐH Ngoại ngữ		Ngoại ngữ	Đại học Quốc gia Hà Nội
	FRE 5001	Tiếng Pháp cơ bản (<i>Basic French</i>)		Trường ĐH Ngoại ngữ		Ngoại ngữ	Đại học Quốc gia Hà Nội
I.2	Khối kiến thức nhóm chuyên ngành		14				
I.2.1	Bắt buộc		10				
3.	ENG 6001	Tiếng Anh học thuật (<i>Academic English</i>)	3	Nguyễn Thị Như Trang Nguyễn Tuấn Anh Nguyễn Thị Vân Hạnh	TS PGS.TS PGS. TS	CTXH Xã hội học Xã hội học	ĐHKHXH&NV ĐHKHXH&NV ĐHKHXH&NV
	RUS 6001	Tiếng Nga học thuật (<i>Academic Russian</i>)		Nguyễn Thị Thu Hà Nguyễn Quý Thanh	PGS. PGS.TS	Xã hội học Xã hội học	ĐHKHXH&NV ĐHKHXH&NV
	FRE 6001	Tiếng Pháp học thuật (<i>Academic French</i>)		Trịnh Văn Tùng Trần Thu Hương	PGS. TS PGS. TS	Xã hội học Tâm lý học	ĐHKHXH&NV ĐHKHXH&NV
4.	SOC 6026	Hành vi con người và Môi trường xã hội II (<i>Human Behavior and the Social Environment II</i>)	2	Nguyễn Hồi Loan Nguyễn An Lịch Trần Thu Hương	PGS.TS. PGS.TS. PGS. TS	Tâm lý học Xã hội học Tâm lý học	ĐHKHXH&NV ĐHKHXH&NV ĐHKHXH&NV
5.	SOC 6028	Phương pháp nghiên cứu ứng	2	Phạm Văn Quyết	PGS.TS.	Xã hội học	ĐHKHXH&NV

		dụng CTXH (<i>Applied Research Methods for Social Work</i>)		Nguyễn Tuấn Anh Hoàng Thu Hương	PGS.TS PGS. TS	Xã hội học Xã hội học	ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV
6.	SOC 6030	Trị liệu tâm lý (<i>Psychotherapy</i>)	3	Trần Thị Minh Đức Trần Thu Hương Nguyễn Hồi Loan	GS.TS. PGS. TS PGS.TS	Tâm lý học Tâm lý học Tâm lý học	ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV
I.2.2	Tự chọn		4/8				
7.	SOC 6020	Chính sách xã hội và những vấn đề xã hội (<i>Social Problems and Social Policy</i>)	2	Bùi Quang Dũng Nguyễn Tuấn Anh Hoàng Thu Hương	PGS.TSKH PGS. TS PGS. TS	Xã hội học Xã hội học Xã hội học	Viện Xã hội học ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV
8.	SOC 6025	Một số lý thuyết về CTXH (<i>Theories of Social Work</i>)	2	Phạm Huy Dũng Đặng Cảnh Khanh Nguyễn Tuấn Anh	GS.TS. GS.TS. PGS. TS	Y học Xã hội học Xã hội học	Đại học Thăng Long Đại học Thăng Long ĐHKHXXH&NV
9.	SOC 6033	Tổ chức và Phát triển cộng đồng (<i>Organization and Community Development</i>)	2	Trịnh Văn Tùng Nguyễn Tuấn Anh Trần Tuấn	PGS. TS TPGS. TS TS. BS	Xã hội học Xã hội học Y học	ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV Trung tâm PTCD
10.	SOC 6057	Công tác xã hội trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tâm thần (<i>Social work in Mental Health</i>)	2	Nguyễn Hồi Loan Trần Thu Hương Phạm Thị Thu Hoa	PGS.TS PGS. TS TS.	Tâm lý học Tâm lý học Tâm lý học	ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV
I.3.	Khối kiến thức chuyên ngành		16				
I.3.1	Bắt buộc		8				
11.	SOC 6024	Lí luận về thực hành CTXH (<i>Theory for Practice in Social Work</i>)	2	Nguyễn Ngọc Hương Phạm Huy Dũng Trịnh Văn Tùng Trần Đình Tuấn	TS. GS.TS PGS. TS ThS.	CTXH Y học Xã hội học CTXH	Đại học San Jose Đại học Thăng Long ĐHKHXXH&NV Đại học San Jose
12.	SOC 6031	Mô hình CTXH với cá nhân	2	Mai Thị Kim Thanh	TS.	Xã hội học	ĐHKHXXH&NV

		<i>(Social Work Models with Individuals)</i>		Trần Thị Minh Đức Nguyễn Thị Lan	GS.TS. TS.	Tâm lý học	ĐHKHXXH&NV
13.	SOC 6032	Mô hình CTXH với nhóm <i>(Social Work Models with Groups)</i>	2	Bùi Thị Xuân Mai Nguyễn Thị Thu Hà Mai Thị Kim Thanh	PGS. TS PGS. TS TS.	Tâm lý học Xã hội học Xã hội học	Đại học Lao động XH ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV
14.	SOC 6058	Người khuyết tật: Chính sách và thực hành <i>(People with disabilities: Policy and Practice)</i>	2	Nguyễn Thị Kim Hoa Nguyễn Thị Hoàng Yến Nguyễn Thị Thu Hà	PGS.TS. PGS.TS PGS. TS	Xã hội học Tâm lý học Xã hội học	ĐHKHXXH&NV Viện Khoa học Giáo dục ĐHKHXXH&NV
I.3.2	Tự chọn		6/12				
15.	SOC 6034	Quản trị CTXH : Chính sách và hoạch định <i>(Administration in Social Work: Policy and Planning)</i>	3	Phạm Ngọc Thanh Nguyễn Thị Kim Hoa Nguyễn Thị Vân Hạnh	PGS.TS. PGS.TS PGS. TS	Triết học Xã hội học Xã hội học	ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV TPHCM
16.	SOC 6036	CTXH và chính sách xã hội với gia đình <i>(Social Work and Social policy for Family)</i>	2	Lê Thị Quý Hoàng Bá Thịnh Bê Quỳnh Nga	GS.TS. PGS.TS TS.	Xã hội học Xã hội học Xã hội học	ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV Viện Xã hội học
17.	SOC 6037	CTXH trong lĩnh vực y tế <i>(Social Work in Health Sector)</i>	2	Phạm Huy Dũng Trần Tuấn Hoàng Bá Thịnh	GS.TS TS.BS PGS.TS	Y học Y học Xã hội học	Đại học Thăng Long Trung tâm PTCĐ ĐHKHXXH&NV
18.	SOC 6059	CTXH học đường (Social Work with School)	3	Nguyễn Thị Thu Hà Nguyễn Thị Vân Hạnh Phạm Thị Thu Hoa	PGS. TS PGS. TS TS.	Xã hội học Xã hội học Tâm lý học	ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV TPHCM ĐHKHXXH&NV
19.	SOC 6060	Bình đẳng giới và bạo lực gia đình: CTXH và pháp luật <i>(Gender equality and domestic violence: Social work and law)</i>	2	Nguyễn Thị Kim Hoa Nguyễn Thị Thu Hà Hoàng Thu Hương	PGS.TS PGS. TS PGS. TS	Xã hội học Xã hội học Xã hội học	ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV

I.3.3	Thực hành CTXH						
20.	SOC 6061	Thực hành CTXH tại cơ sở (<i>Field education practicum</i>)	2	Theo sự phân công cụ thể của Khoa Xã hội học			
II.	PHẦN 2: CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIỀN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN						
II.1.1	Bắt buộc		08				
21.	SOC 8019	Giáo dục Công tác xã hội (<i>Social work education</i>)	2	Nguyễn Thị Thu Hà Nguyễn Thị Vân Hạnh Phạm Thị Thu Hoa	PGS. TS PGS. TS TS.	Xã hội học Xã hội học Tâm lý học	ĐHKHXH&NV ĐHKHXH&NV TPHCM ĐHKHXH&NV
22.	SOC 8020	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội (<i>Administration of Developing Organization for Providing Social services</i>)	2	Nguyễn Thị Kim Hoa Nguyễn Thị Thu Hà Hoàng Thu Hương	PGS.TS PGS. TS PGS. TS	Xã hội học Xã hội học Xã hội học	ĐHKHXH&NV ĐHKHXH&NV ĐHKHXH&NV
23.	SOC 8021	Bất bình đẳng và đói nghèo (<i>Poverty and Inequanlity</i>)	2	Trịnh Văn Tùng Nguyễn Tuấn Anh Hoàng Thu Hương	PGS.TS PGS. TS PGS. TS	Xã hội học Xã hội học Xã hội học	ĐHKHXH&NV ĐHKHXH&NV ĐHKHXH&NV
24.	SOC 8022	Đánh giá ban đầu trong chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng (<i>Healthcare Pre-assessment in Community</i>)	2	Nguyễn Hồi Loan Trần Thu Hương	PGS.TS PGS. TS.	Tâm lý học Tâm lý học	ĐHKHXH&NV ĐHKHXH&NV
II.2.2	Tự chọn		2/10				
25.	SOC 8023	Thiết kế và triển khai nghiên cứu trong Công tác xã hội	2	Phạm Văn Quyết Nguyễn Tuấn Anh Hoàng Thu Hương	PGS.TS. PGS.TS. PGS. TS	Xã hội học Xã hội học Xã hội học	ĐHKHXH&NV ĐHKHXH&NV

		<i>(Designing and Performing Social work Research)</i>					
26.	SOC 8024	Tôn giáo và công tác xã hội <i>(Religion and Spirituality and Social work)</i>	2	Nguyễn Hồi Loan Hoàng Thu Hương	PGS.TS PGS. TS.	Tâm lý học Xã hội học	ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV
27.	SOC 8025	Các lý thuyết và mô hình tổ chức cộng đồng <i>(Models and Theories of Community Organization)</i>	2	Trịnh Văn Tùng Nguyễn Tuấn Anh Hoàng Thu Hương	PGS.TS PGS. TS PGS. TS	Xã hội học Xã hội học Xã hội học	ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV
28.	SOC 8026	Công tác xã hội với người già và trẻ em <i>(Social work with Children and the Elderly)</i>	2	Mai Thị Kim Thanh Trần Thị Minh Đức	TS. GS.TS.	Xã hội học Tâm lý học	ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV
29.	SOC 8027	Công tác xã hội với người có hành vi vi phạm pháp luật <i>(Social work with People violating laws)</i>	2	Nguyễn Thị Như Trang Nguyễn Tuấn Anh Nguyễn Thị Vân Hạnh	TS PGS.TS PGS. TS	CTXH Xã hội học Xã hội học	ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV
II.2	<i>Ngoại ngữ học thuật nâng cao (chọn 1 trong các thứ tiếng sau)</i>		4				
	ENG 8001	Tiếng Anh học thuật nâng cao <i>(Advanced Academic English)</i>	4	NCS tự nghiên cứu tài liệu theo yêu cầu của tập thể giáo viên hướng dẫn luận án tiến sĩ			
	RUS 8001	Tiếng Nga học thuật nâng cao <i>(Advanced Academic Russian)</i>	4	NCS tự nghiên cứu tài liệu theo yêu cầu của tập thể giáo viên hướng dẫn luận án tiến sĩ			
	FRE 8001	Tiếng Pháp học thuật nâng	4	NCS tự nghiên cứu tài liệu theo yêu cầu của tập thể giáo viên hướng dẫn			

		cao (<i>Advanced Academic French</i>)		luận án tiến sĩ			
II.3	<i>Các chuyên đề tiến sĩ</i>		6/36				
30.	SOC 8028	Can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật trí tuệ (<i>Early Intervention for Children with Mental illness</i>)	2	Nguyễn Hồi Loan Trần Thu Hương	PGS.TS PGS. TS.	Tâm lý học Tâm lý học	ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV
31.	SOC 8029	Công tác xã hội với gia đình và nhóm (<i>Social work with Group and Family</i>)	2	Nguyễn Thị Kim Hoa Nguyễn Thị Thu Hà Hoàng Thu Hương	PGS.TS PGS. TS PGS. TS	Xã hội học Xã hội học Xã hội học	ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV
32.	SOC 8030	Phân tích chính sách xã hội (<i>Social policy analysis</i>)	2	Nguyễn Tuấn Anh Hoàng Thu Hương	PGS. TS PGS. TS	Xã hội học Xã hội học	ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV
33.	SOC 8031	Lịch sử và lý thuyết Phúc lợi xã hội (<i>Social welfare Theories and History</i>)	2	Nguyễn Tuấn Anh Hoàng Thu Hương	PGS. TS PGS. TS	Xã hội học Xã hội học	ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV
34.	SOC 8032	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (<i>Social work with Children with Special Circumstances</i>)	2	Mai Thị Kim Thanh Trần Thị Minh Đức	TS. GS.TS.	Xã hội học Tâm lý học	ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV
35.	SOC 8033	Công tác xã hội với nhóm mại dâm, sử dụng ma túy, nhiễm	2	Nguyễn Hồi Loan Trần Thu Hương	PGS.TS PGS. TS.	Tâm lý học Tâm lý học	ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV

		HIV/AIDS <i>(Social work with group of prostitution, substance – abused and effected by HIV/AIDS)</i>					
36.	SOC 8034	Công tác xã hội với phụ nữ bị bạo lực gia đình <i>(Social work with Domestic Violence)</i>	2	Nguyễn Thị Kim Hoa Nguyễn Thị Thu Hà Hoàng Thu Hương	PGS.TS PGS. TS PGS. TS	Xã hội học Xã hội học Xã hội học	ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV
37.	SOC 8035	Trầm cảm và kỹ năng kiểm soát trầm cảm trong chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng. <i>(Depression and skill for controlling depression in mental healthcare in community)</i>	2	Nguyễn Hồi Loan Trần Thu Hương	PGS.TS PGS. TS.	Tâm lý học Tâm lý học	ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV
38.	SOC 8036	Công tác xã hội với gia đình đa văn hóa <i>(Social work with multi-cultural family)</i>	2	Hoàng Bá Thịnh Nguyễn Thị Kim Hoa Hoàng Thu Hương	PGS.TS PGS. TS PGS. TS	Xã hội học Xã hội học Xã hội học	ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV
39.	SOC 8037	Lịch sử các cách tiếp cận phát	2	Trịnh Văn Tùng	PGS.TS	Xã hội học	ĐHKHXXH&NV

		triển cộng đồng <i>(History of community development apporoachs)</i>		Nguyễn Tuấn Anh Hoàng Thu Hương	PGS. TS PGS. TS	Xã hội học Xã hội học	ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV
40.	SOC 8038	Đánh giá các tiếp cận phát triển cộng đồng ở Việt Nam hiện nay <i>(Current community development apporoachs Assesment in Viet Nam)</i>	2	Trịnh Văn Tùng Nguyễn Tuấn Anh Hoàng Thu Hương	PGS.TS PGS. TS PGS. TS	Xã hội học Xã hội học Xã hội học	ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV
41.	SOC 8039	Vốn xã hội và phát triển cộng đồng <i>(Social Capital and Community Development)</i>	2	Trịnh Văn Tùng Nguyễn Tuấn Anh Hoàng Thu Hương	PGS.TS PGS. TS PGS. TS	Xã hội học Xã hội học Xã hội học	ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV
42.	SOC 8040	Lý thuyết về hành vi lệch chuẩn <i>(Theory of Deviation Behaviour)</i>	2	Nguyễn Thị Như Trang Nguyễn Tuấn Anh	TS PGS.TS PGS. TS	CTXH Xã hội học Xã hội học	ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV
43.	SOC 8041	CTXH với người vị thành niên vi phạm pháp luật <i>(Social work with Violation of Juvenile)</i>	2	Nguyễn Thị Như Trang Nguyễn Tuấn Anh	TS PGS.TS PGS. TS	CTXH Xã hội học Xã hội học	ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV
44.	SOC 8042	Mô hình chăm sóc người cao	2	Nguyễn Thị Kim Hoa	PGS.TS PGS. TS	Xã hội học Xã hội học	ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV

		tuổi <i>(Model for Caring the Elderly)</i>		Nguyễn Thị Thu Hà Hoàng Thu Hương	PGS. TS	Xã hội học	ĐHKHXXH&NV
45.	SOC 8043	Các mô hình phòng chống bạo lực gia đình tại Việt Nam <i>(Models for Domestic Violence Prevention in Viet Nam)</i>	2	Nguyễn Thị Kim Hoa Nguyễn Thị Thu Hà Hoàng Thu Hương	PGS.TS PGS. TS PGS. TS	Xã hội học Xã hội học Xã hội học	ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV
46.	SOC 8044	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần với trẻ tự kỷ tại cộng đồng <i>(Social work with mental healthcare for Austim Children in Community)</i>	2	Nguyễn Hồi Loan Trần Thu Hương	PGS.TS PGS. TS.	Tâm lý học Tâm lý học	ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV
47.	SOC 8045	Các mô hình giáo dục đặc biệt đối với người khuyết tật <i>(Models of Special Education for People with Disability)</i>	2	Nguyễn Thị Thu Hà Nguyễn Thị Kim Hoa	PGS.TS PGS. TS PGS. TS	Xã hội học Xã hội học Xã hội học	ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV ĐHKHXXH&NV

5. TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

1. Triết học:

- Mã học phần: PHI 5001 - Số tín chỉ: 3
- Học phần tiên quyết: Không
- Nội dung học phần: Theo chương trình chung của ĐHQGHN

2. Tiếng Anh cơ bản

- Mã học phần: ENG 5001 - Số tín chỉ: 4
- Học phần tiên quyết: Không
- Nội dung học phần: Theo chương trình chung của ĐHQGHN

Tiếng Nga cơ bản

- Mã học phần: RUS 5001 - Số tín chỉ: 4
- Học phần tiên quyết: Không
- Nội dung học phần: Theo chương trình chung của ĐHQGHN

Tiếng Pháp cơ bản

- Mã học phần: FRE 5001 - Số tín chỉ: 4
- Học phần tiên quyết: Không
- Nội dung học phần: Theo chương trình chung của ĐHQGHN

3. Tiếng Anh học thuật

- Mã học phần: ENG 6001 - Số tín chỉ: 3
- Học phần tiên quyết: Không
- Nội dung học phần: Tiếng Anh học thuật cung cấp cho học viên vốn từ vựng tiếng Anh về các khái niệm, thuật ngữ chuyên ngành xã hội học, các bài học củng cố và nâng cao về ngữ pháp, khả năng đọc hiểu, khả năng dịch thuật, khả năng nghe nói và khả năng thuyết trình. Nội dung các bài học liên quan đến các kỹ năng đó được lựa chọn từ các bài đọc tiêu biểu trong sách và tạp chí xã hội học và công tác xã hội về các chủ đề như: cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội, phân hóa giàu nghèo, bất bình đẳng xã hội, hôn nhân, gia đình, bình đẳng giới, biến đổi xã hội, tổ chức xã hội, hành vi sai lệch xã hội, điều tra xã hội học, chức năng xã hội, mâu thuẫn xã hội, tương tác xã hội. Học phần yêu cầu học viên tham gia trao đổi, thuyết trình bằng tiếng Anh liên quan tới các chủ đề đã đề cập ở trên.

Tiếng Nga học thuật:

- Mã học phần: RUS 6001 - Số tín chỉ: 3
- Học phần tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Tiếng Nga học thuật cung cấp cho học viên vốn từ vựng tiếng Nga về các khái niệm, thuật ngữ chuyên ngành xã hội, các bài học củng cố và nâng cao về ngữ pháp, khả năng đọc hiểu, khả năng dịch thuật, khả năng nghe nói và khả năng thuyết trình. Nội dung các bài học liên quan đến các kỹ năng đó được lựa chọn từ các bài đọc tiêu biểu trong sách và tạp chí xã hội học và công tác xã hội về các chủ đề như: cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội, phân hóa giàu nghèo, bất bình đẳng xã hội, hôn nhân, gia đình, bình đẳng giới, biến đổi xã hội, tổ chức xã hội, hành vi sai lệch xã hội, điều tra xã hội học, chức năng xã hội, mâu thuẫn xã hội, tương tác xã hội. Học phần yêu cầu học viên tham gia trao đổi, thuyết trình bằng tiếng Anh liên quan tới các chủ đề đã đề cập ở trên.

Tiếng Pháp học thuật

- Mã học phần: FRE 6001 - Số tín chỉ: 3

- Học phần tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Tiếng Pháp học thuật cung cấp cho học viên vốn từ vựng tiếng Pháp về các khái niệm, thuật ngữ chuyên ngành xã hội học, các bài học củng cố và nâng cao về ngữ pháp, khả năng đọc hiểu, khả năng dịch thuật, khả năng nghe nói và khả năng thuyết trình. Nội dung các bài học liên quan đến các kỹ năng đó được lựa chọn từ các bài đọc tiêu biểu trong sách và tạp chí xã hội học và công tác xã hội về các chủ đề như: cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội, phân hóa giàu nghèo, bất bình đẳng xã hội, hôn nhân, gia đình, bình đẳng giới, biến đổi xã hội, tổ chức xã hội, hành vi sai lệch xã hội, điều tra xã hội học, chức năng xã hội, mâu thuẫn xã hội, tương tác xã hội. Học phần yêu cầu học viên tham gia trao đổi, thuyết trình bằng tiếng Anh liên quan tới các chủ đề đã đề cập ở trên.

4. Lí luận về thực hành CTXH:

- Mã học phần: SOC 6024 - Số tín chỉ: 2

- Học phần tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Cùng với học viên phân tích quá trình hỗ trợ một cá nhân, quá trình làm việc với một nhóm, quá trình phát triển và tổ chức cộng đồng. Lý thuyết thực hành này khác với thực hành thực địa, sẽ trình bày ở phần lựa chọn thực tế chuyên sâu vào các nhóm cụ thể là: Lao động xã hội, Gia đình, Trẻ em, Y tế và Giáo dục. Lý thuyết chung CTXH là lý luận quan trọng về các trường phái lý thuyết CTXH và những giá trị của những lý thuyết này trong thực hành CTXH hiện đại. Các cán bộ CTXH cần hiểu nguồn gốc của những lý luận này và cách ứng dụng chúng trong mạng lưới những thuyết có sẵn.

Công tác thực hành của cán bộ CTXH không phải đơn thuần chỉ mang tính nhân đạo, mà là một khoa học với triết lý nhằm tăng cường sức mạnh nội lực, vì thế cần có lý thuyết làm nền tảng. Sau khi học xong học phần này, học viên có khả năng:

- Có được những hiểu biết về những lý thuyết nền tảng, các quan điểm và mô hình Công tác xã hội.
- Sử dụng những lý thuyết đã học để đưa ra những ứng dụng vào quá trình hình thành và phát triển những kỹ năng trong thực hành CTXH trực tiếp
- Hiểu và nắm bắt được luận cứ khoa học của chuyên môn Công tác xã hội với cơ sở lý luận cụ thể.

5. *Hành vi con người và môi trường xã hội II*

- Mã học phần: SOC 6026 - Số tín chỉ: 2
- Học phần tiên quyết: Không
- Nội dung học phần: Cung cấp những kiến thức cơ bản nâng cao về HVCN và MTXH. Đồng thời đề cập đến cơ sở sinh lý thần kinh của hành vi, các lý thuyết về sự phát triển hành vi. Các lý thuyết nghiên cứu HVCN từ cuối thế kỷ 19 đến thế kỷ 20 làm nền tảng cơ sở lý luận cho sinh viên trong quá trình phân tích, giải thích các mối quan hệ giữa HVCN và MTXH trong các điều kiện của hoàn cảnh xã hội (gia đình, nhóm, cộng đồng, xã hội) khi phải giải quyết những vấn đề trong thực tiễn. Mối quan hệ đặc biệt giữa các giai đoạn lứa tuổi với môi trường xã hội. Đề cập đến văn hóa gia đình và các ảnh hưởng của nó đến hành vi con người. Vai trò của nhân viên CTXH trong việc giúp đỡ các đối tượng xã hội ở các giai đoạn phát triển thông qua chính sách xã hội.

6. *Phương pháp nghiên cứu ứng dụng CTXH*

- Mã học phần: SOC 6024 - Số tín chỉ: 2
- Học phần tiên quyết: Không
- Nội dung học phần: Học phần này nâng mức hiểu biết và kỹ năng nghiên cứu của học viên lên khả năng đánh giá việc sử dụng mô hình và khả năng phát triển mô hình CTXH thông qua việc nghiên cứu đặc thù hỗ trợ thực hiện chức năng xã hội của con người. Nghiên cứu CTXH tập trung vào những phạm vi và đối tượng của CTXH với cá nhân, nhóm, cộng đồng và quản lý, kết hợp nghiên cứu định tính với định lượng.

Cụ thể, học phần này cung cấp khái niệm và phương pháp thiết kế, phương pháp nghiên cứu và phương pháp phân tích nghiên cứu ứng dụng CTXH để học viên có thể tự thực hiện được một số yêu cầu của CTXH về mặt lý thuyết và thực hành. Phần quan niệm về nghiên cứu CTXH tập trung vào vấn đề nghiên cứu liên quan đến thực hiện chức năng xã hội của con người, bao gồm hành vi con người, tâm lý, nguyên nhân của hành vi con người trong môi trường xã hội cũng như những yếu tố xã hội tác động đến hành vi con người. Nghiên cứu CTXH còn chịu ảnh hưởng quyết định của đạo đức nghiên cứu và đạo đức CTXH. Vì vậy, nghiên cứu CTXH không thể lúc nào cũng được thiết kế một cách chặt chẽ theo quan niệm thực nghiệm. Học phần này cung cấp cho học viên cả hai phương pháp thiết kế thực nghiệm và thiết kế trường hợp đơn.

7. Trị liệu tâm lý

- Mã học phần: SOC 6024 - Số tín chỉ: 3
- Học phần tiên quyết: Không
- Nội dung học phần: trị liệu tâm lý là công việc quan trọng và thường xuyên của Nhân viên xã hội và các Nhà trị liệu tâm lý. Học phần cung cấp cho người học các phương pháp đưa lý thuyết và thực tiễn trong tham vấn và trị liệu tâm lý. Học viên được trang bị các lý thuyết cơ bản, sử dụng các kết quả nghiên cứu và sau đó cơ cấu lên các biện pháp can thiệp có cân nhắc yếu tố văn hóa và giới. Khuynh hướng nghiên cứu đã được chuyển từ quan điểm “Lý thuyết tối ưu” sang quan điểm “Mỗi lý thuyết có giá trị riêng cho đại đa số các khách hàng”, do đó điều cần thiết là phải tích hợp một vài lý thuyết trong từng đợt hỗ trợ khách hàng. Học viên CTXH cần nắm vững các khái niệm và lý thuyết để xử lý các vấn đề đa văn hóa.

8. Chính sách xã hội và những vấn đề xã hội

- Mã học phần: SOC 6020 - Số tín chỉ: 2
- Học phần tiên quyết: Không
- Nội dung học phần: Đào tạo bậc cao về chính sách xã hội nâng lên thành lý luận phân tích chính sách xã hội (policy analysis) và quá trình chính sách xã hội (policy process), gắn vấn đề chính sách xã hội với quản trị CTXH từ chính sách đến dịch vụ và từ dịch vụ trở về chính sách.

Học phần Chính sách xã hội cung cấp cho học viên tri thức và kỹ năng phân tích chính sách vận động chính sách, và quản lý thực hiện chính sách. Học phần này bao gồm kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn trong nước, học viên sẽ được phân tích ứng dụng vào hoàn cảnh Việt Nam.

9. Một số lý thuyết về CTXH

- Mã học phần: SOC 6025 - Số tín chỉ: 2
- Học phần tiên quyết: Không
- Nội dung học phần: Môn học được chia thành 2 phần: Phần lý luận về lý thuyết CTXH, và Phần liệt kê mô tả một số lý thuyết CTXH đã và đang được nói đến. Phần lý luận tập trung vào cách sử dụng lý thuyết trong thực hành. Qua đó, sự hình thành của lý thuyết và những vấn đề còn tranh luận về lý thuyết CTXH cũng được đưa ra để thảo luận. Phần liệt kê mô tả một số lý thuyết không chỉ nêu một số lý thuyết thường được nói đến trong các tài liệu kinh viện mà còn nói đến một số lý thuyết có tính ứng dụng hiệu quả cao cũng như những hoạt động thực tiễn có ý nghĩa. Những lý thuyết vẫn được nói đến thường xuyên bao gồm Tâm động học, Mô hình lấy nhiệm vụ làm trung tâm hay Mô hình can thiệp khủng hoảng, Nhận thức hành vi, Hệ thống và Sinh thái, Nhân văn Sinh tồn và Tâm linh, v.v. Một số lý thuyết có ứng dụng thực tiễn mới như Phát triển Cộng đồng và Xã hội, Vận động tổ chức, v.v

10. Tổ chức và phát triển cộng đồng

- Mã học phần: SOC 6033 - Số tín chỉ: 2
- Học phần tiên quyết: Không
- Nội dung học phần: Học viên được cung cấp tri thức và kỹ năng tổng hợp để có tầm nhìn về các vấn đề cộng đồng nói chung, để có thể khái quát hoá, khái niệm hoá thành các mô hình can thiệp, đồng thời có khả năng ứng dụng các mô hình sẵn có để giải quyết các vấn đề thực tế của cộng đồng.

Phát triển cộng đồng là một trong ba phương pháp làm việc chủ chốt không thể thiếu của nghề Công tác xã hội, bởi vì dù ở cương vị nào, họ cũng phải đôi lúc trong sự nghiệp của mình làm công tác vận động cộng đồng nhằm hỗ trợ các dự án cộng đồng. Học phần cung cấp những hiểu biết thiết thực về toàn bộ chu trình vận động, bắt đầu từ

bước chuẩn bị các kỹ năng cần thiết và tìm hiểu mục tiêu cộng đồng, cũng như nội dung chi tiết của từng bước trong chu trình. Qua học phần này, học viên sẽ được trang bị kỹ năng cần thiết để thực hiện được các yêu cầu cơ bản đó, đồng thời học viên sẽ thảo luận, đánh giá và thực hành quy trình vận động cộng đồng. Một điều quan trọng là phải phát huy sự độc lập của các thành viên cộng đồng, duy trì kết quả vận động sau khi cán bộ vận động đã rút ra khỏi chương trình. Toàn bộ các dự án cộng đồng là thành quả của chính cộng đồng đó.

11. Công tác xã hội trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tâm thần

- Mã học phần: SOC 6057 - Số tín chỉ: 2
- Học phần tiên quyết: Không
- Nội dung học phần: Môn học trình bày mạng lưới chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cơ sở, các bệnh tâm thần cụ thể, cách tiến hành chăm sóc, can thiệp tại gia đình, cộng đồng cũng như tại các trung tâm chăm sóc sức khỏe tâm thần. Nhiệm vụ của nhân viên CTXH, quản lý ca. Đặc biệt trong can thiệp với trẻ em và thanh thiếu niên mắc bệnh tâm thần.

12. Mô hình CTXH cá nhân

- Mã học phần: SOC 6024 - Số tín chỉ: 2
- Học phần tiên quyết: Không
- Nội dung học phần: CTXH với cá nhân là một phương pháp cốt lõi trong CTXH. Học phần này được xây dựng trên lý thuyết thực hành CTXH, được xây dựng trên cơ sở quá trình giúp đỡ trực tiếp với đối tượng là cá nhân. Học phần này còn cung cấp cho học viên sự phát triển từ lý thuyết CTXH đến thực hành CTXH trên cá nhân như: Lý thuyết tâm sinh xã hội, lý thuyết cấp tiến v.v... Học phần giúp học viên nâng cao kiến thức và thực hành Công tác xã hội với cá nhân. Sau học phần học viên có thể có những phân tích các mô hình Công tác xã hội cá nhân và hình thành cho mình một phương pháp làm việc của mình.

13. Mô hình CTXH với nhóm

- Mã học phần: SOC 6024 - Số tín chỉ: 2
- Học phần tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Học phần đưa ra những yếu tố cơ bản trong quy trình làm việc với nhóm, bao gồm những vấn đề đạo đức và chuyên môn đặc trưng cho công tác nhóm, và trình bày một tổng quan các khái niệm và kỹ thuật chủ chốt của tiếp cận làm việc với nhóm và phương pháp kết hợp những tiếp cận này để khuyến khích người học phát triển một khung tổng hợp của mình. Học phần nhấn mạnh đến sự cần thiết trong việc linh hoạt và sẵn sàng ứng dụng các kỹ thuật phù hợp với hoàn cảnh văn hóa của khách hàng. Trong học phần này, các thảo luận về ứng dụng lý thuyết trong thực hành nhóm, về vai và chức năng của trưởng nhóm theo từng lý thuyết, về các giai đoạn phát triển của quá trình hoạt động nhóm và các đánh giá về điểm mạnh cũng như hạn chế của từng tiếp cận được trình bày với minh họa cụ thể.

14. Người khuyết tật: Chính sách và thực hành

- Mã học phần: SOC 6058 - Số tín chỉ: 2
- Học phần tiên quyết: Không
- Nội dung học phần: Nội dung cơ bản của học phần cung cấp kiến thức khái quát về khuyết tật và người khuyết tật, lịch sử hình thành, triết lý, quá trình phát triển, cách thức cung ứng dịch vụ, phân tích chính sách cũng như vai trò của CTXH tại Việt Nam.

15. Quản trị ngành Công tác xã hội: Chính sách và hoạch định

- Mã học phần: SOC 6034 - Số tín chỉ: 3
- Học phần tiên quyết: Không
- Nội dung học phần: Học phần Khoa học quản lý nâng tầm nhận thức và ứng dụng tri thức quản trị như là một phương pháp trong CTXH. Trong quá trình học, học viên có thể xây dựng những mô hình quản lý mang tính khoa học ứng dụng vào thực hiện các dịch vụ xã hội, các dự án CTXH. Những bài học thực tiễn về công tác quản lý, tổ chức, về đội ngũ Nhân viên CTXH tại các cơ sở sẽ được đưa vào học phần để phân tích, bổ sung làm rõ các nội dung lý thuyết về quản trị.

Mục tiêu học phần cũng hướng đến việc hình thành và phát triển đội ngũ những người quản lý, lãnh đạo có hiểu biết về đạo đức và tiêu chuẩn nghề nghiệp, có tinh thần sáng tạo và năng động trong việc hình thành và thực hiện các chính sách xã hội, lập các kế hoạch

và đưa ra được những quyết định ảnh hưởng tích cực đến cá nhân, nhóm, cộng đồng dân tộc một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

16. CTXH và Chính sách xã hội với gia đình

- Mã học phần: SOC 6036 - Số tín chỉ: 2
- Học phần tiên quyết: Không
- Nội dung học phần: Nhân viên CTXH hoạt động trong lĩnh vực gia đình cần biết các chính sách xã hội về gia đình để hỗ trợ giải quyết các vấn đề gia đình. Họ không những được cung cấp tri thức và kỹ năng liên quan đến quá trình phát triển chính sách về gia đình cũng như nội dung của chính sách này. Họ còn cần được trang bị tri thức và kỹ năng liên quan tới quá trình chuyển đổi các chính sách này thành các dịch vụ phúc lợi hoặc các hệ thống hỗ trợ để thực hiện chính sách.

17. CTXH trong y tế công cộng

- Mã học phần: SOC 6037 - Số tín chỉ: 2
- Học phần tiên quyết: Không
- Nội dung học phần: Học phần này cung cấp những kiến thức và kỹ năng thực hành CTXH trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Những vấn đề liên quan là những vấn đề mang tính xã hội và dựa trên cộng đồng. Học phần sẽ đề cập đến các chủ đề về chăm sóc sức khỏe với các đối tượng như CTXH với gia đình người cao tuổi, với cựu chiến binh, người lạm dụng ma túy, người rối loạn tâm thần. Ngoài ra học phần cũng đề cập đến thực hành CTXH trong cộng đồng những người làm công tác trị liệu và trong các chương trình tăng cường sức khỏe nhân dân và dự phòng y tế.

18. CTXH học đường

- Mã học phần: SOC 6059 - Số tín chỉ: 3
- Học phần tiên quyết: Không
- Nội dung học phần: Học phần đi sâu vào xem xét sự phát triển của CTXH học đường ở các nước phương Tây, qua đó sẽ giúp người học xác định rõ hơn về đối tượng, chức năng của CTXH trường học, những luận điểm lý luận thường được áp dụng trong CTXH trường học. Học phần cũng đi vào xem xét những vấn đề xã hội của trường học, từ khung cảnh cấp tiểu học đến môi trường học tập bậc đại học, cao đẳng, qua việc xác định vấn đề

như vậy sẽ là cách giúp cho người học nâng cao được kỹ năng xác định vấn đề và kỹ năng giải quyết vấn đề. Học phần cũng đi vào bàn luận việc xem xét các công cụ và phương pháp can thiệp trong CTXH, và cách thức lượng giá các chương trình thực hành CTXH trường học.

19. Bình đẳng giới và bạo lực gia đình: CTXH và pháp luật

- Mã học phần: SOC 6060 - Số tín chỉ: 2
- Học phần tiên quyết: Không
- Nội dung học phần: Học phần này cung cấp kiến thức cho người học về vai trò của CTXH đối với bạo lực gia đình và bình đẳng giới. Học phần này bắt đầu bằng việc phân tích các nguyên lý cơ bản của CTXH và việc thực hành CTXH và pháp luật đối với vấn đề bình đẳng giới và bạo lực gia đình từ quan điểm lịch sử. Phần tiếp theo của học phần giúp cho người học hiểu được vai trò của nhân viên CTXH và luật pháp trong từng giai đoạn của việc thực hành CTXH đối với trường hợp bạo lực gia đình. Học phần này nhấn mạnh đến các kỹ năng thực hành trong lĩnh vực bình đẳng giới và bạo lực gia đình

20. Thực hành CTXH tại cơ sở

- Mã học phần: SOC 6061 - Số tín chỉ: 2
- Học phần tiên quyết: Không
- Nội dung học phần: Học phần trình bày quá trình ứng dụng lý thuyết CTXH cá nhân, CTXH nhóm và Phát triển cộng đồng vào thực tiễn tại cơ sở dưới sự hướng dẫn của giáo viên và kiểm huấn viên tại cơ sở nhằm rèn luyện tay nghề, kỹ năng CTXH

21. Giáo dục Công tác xã hội

- Mã học phần: SOC 8019 - Số tín chỉ: 2
- Học phần tiên quyết: Không
- Nội dung học phần: Học phần này nhằm chuẩn bị kiến thức, kỹ năng và giá trị cần thiết cho các nhân viên xã hội làm việc trong lĩnh vực giáo dục. Cụ thể, khóa học được thiết kế dành cho các nhân viên xã hội là cán bộ giảng dạy/đào tạo, các nhà quản lý trong các cơ sở đào tạo công tác xã hội, các nhân viên xã hội làm việc trong các lĩnh vực thường phải vận dụng tới vai trò giáo dục, và các nhân viên xã hội làm việc trong trường học. Khóa học được thiết kế xoay quanh bốn mảng nội dung chính: Thiết kế và xây dựng khung

chương trình đào tạo CTXH, xây dựng bài giảng và kỹ thuật giảng dạy, làm việc với các nhóm đối tượng khác nhau với tư cách là nhà giáo dục; và làm việc trong lĩnh vực trường học. Triết lý giáo dục CTXH và đạo đức và giá trị nghề CTXH là những yếu tố cốt lõi xuyên suốt khóa học.

22. Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội

- Mã học phần: SOC 8020 - Số tín chỉ: 2

- Học phần tiên quyết: Không

Học phần nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng trong việc quản lý, điều hành, tổ chức để phát triển cơ quan, đơn vị nhằm đạt được các mục tiêu của cơ quan là cung cấp các dịch vụ tốt nhất cho xã hội. Những kỹ năng cốt lõi của quản trị như việc hoạch định chiến lược phát triển cơ quan nhằm triển khai thực hiện các chính sách xã hội thành dịch vụ xã hội liên quan đến tiến trình trong việc phát triển cơ quan phù hợp với tình hình chính trị, xã hội và kinh tế để đạt được việc phân phối các nguồn lực trong xã hội, đáp ứng các yêu cầu về an sinh xã hội. Môn học nhấn mạnh đến tinh thần làm việc hợp tác theo nhóm, thông qua hoạt động thực tiễn, nghiên cứu để đề xuất các chính sách xã hội cần thiết và phù hợp cho xã hội.

23. Bất bình đẳng và đói nghèo

- Mã học phần: SOC 8021 - Số tín chỉ: 2

- Học phần tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Học phần này giới thiệu một cách hệ thống các lý thuyết, cách tiếp cận và phương pháp luận chủ yếu trong nghiên cứu bất bình đẳng và đói nghèo. Đồng thời, học phần cung cấp cho nghiên cứu sinh một hệ thống lý luận cơ bản cũng như những quan điểm khác nhau về những vấn đề bất bình đẳng và nghèo đói. Học phần không chỉ trang bị cho nghiên cứu sinh những phương pháp, những cách tiếp cận mà còn trình bày một số báo cáo thực tiễn về bất bình đẳng và nghèo đói ở Việt Nam hiện nay. Đặc biệt, nghiên cứu sinh được trang bị lý luận về bình đẳng xã hội, công bằng xã hội và biện pháp xóa đói giảm nghèo.

24. Đánh giá ban đầu trong chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng

- Mã học phần: SOC 8022 - Số tín chỉ: 2

- Học phần tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Môn học này cung cấp cho học viên những thông tin chuyên sâu về chăm sóc sức khỏe tâm thần dựa vào cộng đồng và về vai trò của đánh giá, chăm sóc ban đầu đối với các vấn đề sức khỏe tâm thần chủ yếu. Những kiến thức này giúp học viên hiểu rõ hơn mối quan hệ giữa tình trạng sức khỏe cá nhân và những vấn đề xã hội, ảnh hưởng của các hệ thống xã hội tới sức khỏe tâm thần cá nhân. Học viên sẽ xem xét một số hình thức đánh giá ban đầu và quy trình đánh giá ban đầu đối với các vấn đề sức khỏe tâm thần tại cộng đồng. Trên cơ sở đó, học viên lên kế hoạch lượng giá và can thiệp nhằm giúp các nhóm đối tượng có rối nhiễu tâm thần giảm thiểu các tác động tiêu cực tới chất lượng cộng đồng sống và sức khỏe tâm thần.

25. Thiết kế và triển khai nghiên cứu trong Công tác xã hội

- Mã học phần: SOC 8023 - Số tín chỉ: 2

- Học phần tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Học phần được kết cấu thành sáu chương. *Chương thứ nhất* trình bày tổng quan về nghiên cứu khoa học và các bước thực hiện một nghiên cứu khoa học. Chương này cũng giới thiệu một loại sản phẩm của nghiên cứu khoa học, đó là một số luận án tiến sĩ công tác xã hội đã được bảo vệ ở một số trường đại học có uy tín ở châu Âu và Hoa Kỳ. *Chương thứ hai* thảo luận những nội dung quan trọng trong quá trình thực hiện nghiên cứu khoa học bao gồm: làm tổng quan vấn đề nghiên cứu, xác định chủ đề nghiên cứu, nêu câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu, và xây dựng đề cương nghiên cứu. *Chương thứ ba* bàn về hai vấn đề cơ bản trong nghiên cứu khoa học là áp dụng lý thuyết và xây dựng lý thuyết trong một công trình nghiên cứu. *Chương thứ tư* bàn về việc thu thập và xử lý thông tin định tính và định lượng. *Chương thứ năm* bàn về trình bày kết quả nghiên cứu của một công trình khoa học. Có hai hình thức thể hiện kết quả nghiên cứu khoa học được tập trung bàn đến ở đây là luận án tiến sĩ và báo cáo của đề tài. *Chương cuối cùng* bàn về đạo đức trong nghiên cứu khoa học. Đây là nội dung quan trọng góp phần đảm bảo tính khoa học, chất lượng của một công trình nghiên cứu. Như vậy, cấu trúc của học phần phản ánh những nội dung quan trọng của quá trình thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học.

26. Tôn giáo và công tác xã hội

- Mã học phần: SOC 8024 - Số tín chỉ: 2

- Học phần tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Học phần này sẽ xem xét khái niệm tôn giáo trong mối quan hệ với nghề công tác xã hội. Người học sẽ được giới thiệu về các cách tiếp cận, các định nghĩa

về tôn giáo, từ đó sẽ khám phá và đánh giá các can thiệp về mặt văn hóa và tâm linh đối với khách hàng. Học phần này cung cấp cho người học mối quan hệ giữa Phật giáo và Thiên chúa giáo với công tác xã hội cũng như đánh giá các nguồn lực của tổ chức tôn giáo ở Việt Nam trong thực hành công tác xã hội.

27. Các lý thuyết và mô hình tổ chức cộng đồng

- Mã học phần: SOC 8025 - Số tín chỉ: 2

- Học phần tiên quyết: Không
- Nội dung học phần: Học phần này giới thiệu một cách đầy đủ các lý thuyết nổi bật nhất thường được ứng dụng trong phát triển cộng đồng và giới thiệu đầy đủ các mô hình phát triển cộng đồng theo chiều lịch đại và đồng đại. Chuyên đề này cũng chỉ rõ cho nghiên cứu sinh biết cách ứng dụng nội dung lý thuyết vào nghiên cứu phát triển cộng đồng.

28. Công tác xã hội với người già và trẻ em

- Mã học phần: SOC 8026 - Số tín chỉ: 2

- Học phần tiên quyết: Không
- Nội dung học phần: Học phần đề cập đến việc thực hành CTXH với người cao tuổi và trẻ em trong đó tập trung vào nhóm người cao tuổi và trẻ em bị tổn thương – những người dễ gặp những nguy cơ liên quan tới các vấn đề trong gia đình, xã hội, sức khỏe và việc thực hiện các chức năng sức khỏe tâm thần. Quan điểm liên văn hóa cùng với khung nguy cơ và sự ứng phó của người cao tuổi và trẻ em trong giải quyết các vấn đề cũng được học phần đề cập tới dưới các nhóm xã hội khác nhau và với những mức sống khác nhau.

29. Công tác xã hội với người có hành vi vi phạm pháp luật

- Mã học phần: - Số tín chỉ: 2

- Học phần tiên quyết: Không
- Nội dung học phần:

Học phần này nhằm chuẩn bị kiến thức, kỹ năng và giá trị cần thiết cho các nhân viên xã hội nghiên cứu hoặc làm việc với người có hành vi vi phạm pháp luật. Học phần sẽ được thiết kế theo năm mảng nội dung chính: kiến thức về người có hành vi vi phạm pháp luật và tiến trình khiến họ trở thành người có hành vi vi phạm pháp luật; những thái

độ và giá trị cần thiết khi làm việc với người có hành vi vi phạm pháp luật; khung chính sách và thủ tục pháp lý liên quan tới người có hành vi vi phạm pháp luật (bao gồm trẻ vị thành niên); một số kỹ năng quan trọng khi làm việc với người có hành vi vi phạm pháp luật; và một số mô hình can thiệp với người có hành vi vi phạm pháp luật. Khóa học sẽ chủ yếu ứng dụng cách tiếp cận thể mạnh và hệ quan điểm con người trong môi trường xã hội.

30. Chuyên đề Can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật trí tuệ

- Mã học phần: SOC 8028 - Số tín chỉ: 2

- Học phần tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Học phần này nhằm chuẩn bị kiến thức, kỹ năng và giá trị cần thiết cho các nhân viên xã hội làm việc trong lĩnh vực giáo dục, và can thiệp, trị liệu trực tiếp đối với trẻ em khuyết tật trí tuệ. Cụ thể, khóa học được thiết kế dành cho các nghiên cứu sinh, các nhân viên xã hội là cán bộ giảng dạy/đào tạo, các nhà quản lý trong các cơ sở đào tạo công tác xã hội, các nhân viên xã hội làm việc trong các lĩnh vực thường phải vận dụng tới vai trò giáo dục, và các nhân viên xã hội làm việc trong trường học. Khóa học được thiết kế xoay quanh các nội dung chính: Khái quát chung về khuyết tật trí tuệ và trẻ khuyết tật trí tuệ; Lịch sử về can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật trí tuệ trên thế giới và tại Việt Nam; Các kỹ thuật và yêu cầu của tiến trình can thiệp sớm đối với trẻ khuyết tật; Cộng tác với gia đình trẻ và các chuyên gia trong can thiệp; Các hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình can thiệp.

30. Chuyên đề Công tác xã hội với gia đình và nhóm

- Mã học phần: SOC 8029 - Số tín chỉ: 2

- Học phần tiên quyết: Không

- Nội dung học phần : Học phần đề cập đến việc thực hành CTXH với gia đình và nhóm trong đó tập trung vào những vấn đề gia đình và nhóm gặp phải, cách tiếp cận với tính đa dạng trong sự biến đổi về gia đình, nhóm; các cấp độ nhu cầu và lối sống của gia đình, nhóm và những điểm tương đồng với mọi người đã được tổng hợp lại trong cuộc sống. Ở đây đặc biệt nhấn mạnh đến các điểm mạnh và khả năng đối phó của gia đình và nhóm. Vấn đề tinh thần của gia đình, nhóm và đạo đức nghề nghiệp; các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa nào khoét sâu hoặc làm

giảm nhẹ các vấn đề xã hội của nhóm và gia đình cũng được học phần đề cập tới trong quá trình giúp đỡ của nhà thực hành đối với mỗi gia đình, nhóm.

31. Chuyên đề *Phân tích chính sách xã hội*

- Mã học phần: SOC 8030 - Số tín chỉ: 2

- Học phần tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Học phần được kết cấu thành ba chương. *Chương thứ nhất* là chương dẫn nhập. Chương này sau khi đề cập đến khái niệm phân tích chính sách sẽ bàn về loại hình của chính sách, nhiệm vụ của phân tích chính sách, yêu cầu của phân tích chính sách, và điều kiện để phân tích chính sách. *Chương thứ hai* bàn về quá trình phân tích chính sách. Trong chương này, các bước cụ thể của phân tích chính sách được bàn đến bao gồm: nhận diện vấn đề; xác định các tiêu chí đánh giá; đánh giá mục tiêu chính sách, nội dung và quá trình thực hiện chính sách; đề xuất thay đổi, điều chỉnh chính sách; giám sát và lượng giá lại chính sách sau điều chỉnh. *Chương thứ ba* là chương phương pháp phân tích chính sách. Có bảy nội dung được bàn đến ở đây, bao gồm lựa chọn phương pháp phân tích chính sách, và các phương pháp phân tích chính sách cụ thể: phân tích tài liệu, phỏng vấn, khảo sát, phân tích mạng lưới, phân tích các bên liên quan và phân tích thể chế. Trong quá trình học chương này, học viên sẽ vận dụng phương pháp vào phân tích chính sách thuộc lĩnh vực mà mình quan tâm.

31. Chuyên đề *Lịch sử và lý thuyết Phúc lợi xã hội*

- Mã học phần: SOC 8031 - Số tín chỉ: 2

- Học phần tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Học phần được kết cấu thành ba chương. *Chương thứ nhất* là chương dẫn nhập. Chương này ngoài phần phân tích khái niệm phúc lợi xã hội và các thiết chế phúc lợi xã hội sẽ bàn về phúc lợi xã hội trong mối quan hệ với tiến bộ xã hội, biến đổi xã hội, và toàn cầu hóa. Chương này cũng giới thiệu khái quát về phúc lợi xã hội ở một số nước trên thế giới. *Chương thứ hai* là chương lịch sử phúc lợi xã hội. Có bốn nội dung được trình bày trong chương này. Nội dung thứ nhất sẽ bàn khái quát về quá trình phát triển của phúc lợi nhà nước. Nội dung thứ hai giới thiệu lịch sử phúc lợi xã hội ở một

số nước tư bản chủ nghĩa. Nội dung thứ ba đề cập đến lịch sử phúc lợi xã hội ở một số nước xã hội chủ nghĩa. Nội dung cuối của chương tập trung vào phúc lợi nhà nước ở Việt Nam. *Chương thứ ba* là chương về lý thuyết phúc lợi xã hội. Có ba nhóm lý thuyết được thảo luận trong chương này. Nhóm thứ nhất là Các lý thuyết về phúc lợi xã hội mang tính đại diện. Nhóm thứ hai bàn đến các lý thuyết về nguồn gốc và chức năng của phúc lợi nhà nước. Nhóm thứ ba đề cập đến các lý thuyết quy chuẩn về phúc lợi nhà nước.

31. Chuyên đề Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

- Mã học phần: SOC 8032 - Số tín chỉ: 2

- Học phần tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Học phần giới thiệu một cách hệ thống các loại nhu cầu đặc biệt của trẻ, những mục tiêu trị liệu với các cách can thiệp điển hình dựa trên các chứng cứ có được. Ở đây học phần chú trọng đến việc thực hành CTXH trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trong những trường hợp đòi hỏi kỹ năng quản lý ca thông thường và kỹ năng lâm sàng (kỹ năng lâm sàng là những kỹ năng liên quan đến vai trò của nhân viên CTXH trong nhóm chẩn đoán và điều trị).

32. Chuyên đề Công tác xã hội với nhóm mại dâm, sử dụng ma túy, nhiễm HIV/AIDS

- Mã học phần: SOC 8033 - Số tín chỉ: 2

- Học phần tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: chuyên đề giới thiệu về: những hướng nghiên cứu chính về cai nghiện ma túy, người mại dâm, người nhiễm HIV/AIDS trên thế giới và ở Việt Nam, những khó khăn, nhu cầu của người sử dụng ma túy, mại dâm, nhiễm HIV/AIDS, các mô hình và chương trình hỗ trợ, can thiệp người cai nghiện ma túy, mại dâm và nhiễm HIV/AIDS ở Việt Nam. Tiến trình công tác xã hội nhằm hỗ trợ người cai nghiện ma túy, mại dâm, nhiễm HIV/AIDS, hướng đến giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của người cai nghiện ma túy, mại dâm và người nhiễm HIV/AIDS giúp họ tái hòa nhập xã hội.

33. Chuyên đề Công tác xã hội với phụ nữ bị bạo lực gia đình

- Mã học phần: SOC 8034 - Số tín chỉ: 2

- Học phần tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Học phần giới thiệu một cách hệ thống các khái niệm, các văn bản pháp luật, chính sách liên quan đến phòng chống bạo lực gia đình. Đồng thời, học phần cung cấp cho học viên một hệ thống cách phân tích các lý thuyết cơ bản, các phương pháp CTXH và các kỹ thuật CTXH ứng dụng trong lĩnh vực phòng chống bạo lực gia đình. Phân tích một số mô hình can thiệp và tư vấn trong lĩnh vực phòng chống bạo lực gia đình cũng được giới thiệu để NCS có thể nắm chắc phục vụ cho nghiên cứu và thực hành về chủ đề này.

34 . Chuyên đề Trầm cảm và kỹ năng kiểm soát trầm cảm trong chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng.

- Mã học phần: SOC 8035 - Số tín chỉ: 2

- Học phần tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học viên cần nắm được những kiến thức chuyên sâu về trầm cảm: các dấu hiệu lâm sàng, các hình thức trầm cảm, các quan điểm khác nhau về trầm cảm cũng như các phương pháp, kỹ năng can thiệp với người trầm cảm. Học viên nắm được các kiến thức về chăm sóc sức khỏe tâm thần với người trầm cảm dựa vào cộng đồng, các chính sách, mạng lưới và chương trình hỗ trợ cho người trầm cảm trên thế giới và ở Việt Nam. Học viên có thể đưa ra những phân tích, đánh giá ban đầu về nguyên nhân, tình trạng bệnh và các yếu tố ảnh hưởng tới tiến triển của bệnh trầm cảm ở thanh thiếu niên, phụ nữ sau sinh và người cao tuổi, trên cơ sở đó, đề xuất các biện pháp can thiệp dựa vào cộng đồng.

35 . Chuyên đề Công tác xã hội với gia đình đa văn hóa

- Mã học phần: SOC 8036 - Số tín chỉ: 2

- Học phần tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Học phần được kết cấu thành ba chương. *Chương thứ nhất* là chương dẫn nhập. Chương này sau khi đề cập đến khái niệm gia đình, gia đình đa văn hóa sẽ giới thiệu một số lý thuyết nghiên cứu gia đình đa văn hóa, đồng thời đề cập đến bức tranh khái quát về gia đình đa văn hóa hiện nay. *Chương thứ hai* bàn về công tác xã hội về gia đình. Trong chương này, giới thiệu các quan niệm, đặc điểm và lịch sử công tác xã hội về gia đình, các nội dung cơ bản của công tác xã hội gia đình; phương pháp công tác xã hội gia đình. *Chương thứ ba* đề cập đến một vài chủ đề công tác xã hội với gia đình đa

văn hóa, và phương pháp trị liệu gia đình. Trong quá trình học chương này, học viên sẽ vận dụng phương pháp vào phân tích một chủ đề cụ thể liên quan đến gia đình đa văn hóa mà học viên quan tâm.

36 . Chuyên đề *Các cách tiếp cận phát triển cộng đồng*

- Mã học phần: SOC 8037 - Số tín chỉ: 2

- Học phần tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Chuyên đề này giới thiệu một cách hệ thống các cách tiếp cận căn bản nhất trong phát triển cộng đồng; cung cấp cho nghiên cứu sinh một hệ thống lý luận cơ bản cũng như những quan điểm khác nhau về những vấn đề an sinh xã hội và phát triển cộng đồng; trang bị những phương pháp chủ yếu để nghiên cứu phát triển cộng đồng gắn với từng cách tiếp cận.

36 . Chuyên đề *Đánh giá các tiếp cận phát triển cộng đồng ở Việt Nam hiện nay*

- Mã học phần: SOC 8038 - Số tín chỉ: 2

- Học phần tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Chuyên đề này giới thiệu một cách hệ thống các loại nghiên cứu đánh giá căn bản nhất về các cách tiếp cận phát triển cộng đồng; cung cấp cho nghiên cứu sinh một hệ thống lý luận cơ bản cũng như những quan điểm khác nhau về các loại nghiên cứu đánh giá; trang bị những phương pháp chủ yếu để nghiên cứu đánh giá về từng cách phát triển cộng đồng.

37 . Chuyên đề *Vốn xã hội và phát triển cộng đồng*

- Mã học phần: SOC 8039 - Số tín chỉ: 2

- Học phần tiên quyết: Không

38 . Chuyên đề *Lý thuyết về hành vi lệch chuẩn*

- Mã học phần: SOC 80340 - Số tín chỉ: 2

- Học phần tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Học phần này nhằm trang bị cho học viên hệ thống lý thuyết giải thích về hành vi lệch chuẩn nói chung và tội phạm nói riêng, đặc biệt dành cho các nhân

viên xã hội nghiên cứu hoặc làm việc với người có hành vi vi phạm pháp luật ở các bối cảnh làm việc khác nhau. Học phần sẽ được thiết kế theo năm mảng nội dung chính: tổng quan về hành vi lệch chuẩn và các góc độ tiếp cận; giải thích hành vi lệch chuẩn từ góc độ sinh học và tâm lý; mô tả tiến trình xã hội trong đó hành vi lệch chuẩn của cá nhân được hình thành; mô tả và giải thích sự duy trì khuôn mẫu lệch chuẩn ở bậc trung mô (nhóm và cộng đồng); và giải thích sự tồn tại của lệch chuẩn ở cấp độ vĩ mô. Bên cạnh các lý thuyết kinh điển và những phát triển lý thuyết mới, khóa học cũng sẽ giới thiệu các nghiên cứu điển hình về hành vi lệch chuẩn đối với từng hệ lý thuyết, giúp học viên hình thành cái nhìn khoa học và thực chứng về mối liên hệ giữa các yếu tố cá nhân và xã hội với hành vi lệch chuẩn.

39. Chuyên đề CTXH với người vị thành niên vi phạm pháp luật

- Mã học phần: SOC 8041 - Số tín chỉ: 2

- Học phần tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Học phần này nhằm chuẩn bị kiến thức, kỹ năng và giá trị cần thiết cho các nhân viên xã hội nghiên cứu hoặc làm việc với vị thành niên vi phạm pháp luật. Trong khóa học này, học viên sẽ được trang bị kiến thức nhằm hiểu đặc điểm tâm sinh lý của lứa tuổi vị thành niên, những yếu tố cá nhân và tiến trình xã hội khiến vị thành niên bị đẩy vào xu hướng vi phạm pháp luật. Học viên cũng sẽ được trang bị những thái độ và giá trị cần thiết khi làm việc với vị thành niên vi phạm pháp luật. Bên cạnh đó, học viên cũng sẽ được tìm hiểu chính sách và thủ tục pháp lý liên quan tới vị thành niên vi phạm pháp luật, nắm được vị trí vai trò của NVXH trong hệ thống pháp luật liên quan tới vị thành niên vi phạm pháp luật và cơ sở pháp lý cho các can thiệp CTXH. Khóa học cũng hướng tới đào tạo một số kỹ năng quan trọng khi làm việc với vị thành niên vi phạm pháp luật; và giới thiệu một số dịch vụ xã hội nhằm hỗ trợ vị thành niên vi phạm pháp luật đối với các vấn đề pháp lý, trong quan hệ gia đình, và trong quan hệ cộng đồng

40. Chuyên đề Mô hình chăm sóc người cao tuổi

- Mã học phần: SOC 8042 - Số tín chỉ: 2

- Học phần tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Học phần giới thiệu một cách hệ thống các mô hình Công tác xã hội với người cao tuổi tại nhà, tại cơ sở bảo trợ xã hội và tại bệnh viện. Trong mỗi mô hình sẽ giới thiệu về cách hỗ trợ tâm lý cho người cao tuổi, các hình thức chăm sóc, các hỗ trợ và kết nối, đặc biệt trợ giúp người cao tuổi phục hồi lại các hoạt động bình thường và tham vấn các thành viên trong gia đình hỗ trợ người cao tuổi

41. Chuyên đề *Các mô hình phòng chống bạo lực gia đình tại Việt Nam*

- Mã học phần: SOC 8043 - Số tín chỉ: 2

- Học phần tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Học phần giới thiệu một cách hệ thống các mô hình can thiệp và tư vấn trong lĩnh vực phòng chống bạo lực gia đình, bao gồm Mô hình truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng, Mô hình về đào tạo, Mô hình Câu lạc bộ nhóm nhỏ, Mô hình can thiệp trong các trường hợp khẩn cấp và tư vấn, Mô hình nhà tạm lánh, Mô hình “Địa chỉ tin cậy”

42. Chuyên đề *Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần với trẻ tự kỷ tại cộng đồng*

- Mã học phần: SOC 8044 - Số tín chỉ: 2

- Học phần tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Môn học này cung cấp cho học viên những thông tin chuyên sâu về chăm sóc sức khỏe tâm thần cho trẻ tự kỷ dựa vào cộng đồng, các chính sách, mạng lưới dịch vụ sức khỏe tâm thần và chương trình hỗ trợ cho trẻ tự kỷ. Đồng thời, học viên cũng được trang bị những kiến thức nền tảng, căn bản về hội chứng tự kỷ ở trẻ em cũng như các phương pháp can thiệp đối với trẻ tự kỷ phổ biến hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới. Những kiến thức này giúp học viên hiểu rõ hơn mối quan hệ giữa tình trạng sức khỏe cá nhân của trẻ tự kỷ và những vấn đề xã hội, ảnh hưởng của các hệ thống xã hội tới sức khỏe tâm thần cá nhân. Trên cơ sở này, học viên có thể lên kế hoạch can thiệp đối với các trẻ tự kỷ và gia đình trẻ dựa vào sức mạng của cộng đồng.

43. Chuyên đề *Các mô hình giáo dục đặc biệt đối với người khuyết tật*

- Mã học phần: SOC 8045 - Số tín chỉ: 2

- Học phần tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Học phần này nhằm chuẩn bị kiến thức, kỹ năng và giá trị cần thiết cho các nhân viên xã hội làm việc trong lĩnh vực giáo dục. Cụ thể, khóa học được thiết kế dành cho các nghiên cứu sinh, các nhân viên xã hội là cán bộ giảng dạy/đào tạo, các nhà

quản lý trong các cơ sở đào tạo công tác xã hội, các nhân viên xã hội làm việc trong các lĩnh vực thường phải vận dụng tới vai trò giáo dục, và các nhân viên xã hội làm việc trong trường học. Khóa học được thiết kế xoay quanh các mảng nội dung chính: Khái quát chung về Người khuyết tật trên thế giới và tại Việt Nam; Khái quát chung về giáo dục và giáo dục đặc biệt đối với người khuyết tật; Lược sử về sự phát triển giáo dục đặc biệt đối với người khuyết tật trên thế giới và tại Việt Nam; và các thức tổ chức, và hoạt động của các mô hình giáo dục đặc biệt đang được thực hiện tại Việt Nam. Triết lý giáo dục đặc biệt đối với người khuyết tật và đạo đức và giá trị nghề CTXH là những yếu tố cốt lõi xuyên suốt khóa học.

6. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Kế hoạch đào tạo

Căn cứ Quy chế đào tạo sau đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội được ban hành theo Quyết định số 1555/QĐ-ĐHQGHN, ngày 25 tháng 5 năm 2011 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Quan hệ quốc tế được thực hiện theo khóa đào tạo (khóa học), năm học và học kì. Mỗi năm học được chia thành hai học kì.

Thời gian đào tạo là 3 năm đối với người có bằng thạc sĩ, là 5 năm đối với người chưa có bằng thạc sĩ. Thời gian kéo dài tối đa được phép là 2 năm.

Kế hoạch đào tạo cụ thể (bao gồm các thông tin về môn học, thời gian, địa điểm học, giảng viên,...) sẽ được chuyển đến người học vào đầu học kỳ thứ nhất. Kế hoạch đào tạo được thiết kế cho cho các loại đối tượng như sau:

- Đối với NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp:

Nội dung	Học kỳ						Tổng
	1	2	3	4	5	6	
Số học phần	5	5	1				10

Số tín chỉ	12	10	70	92
------------	----	----	----	-----------

- Đối với NCS từ cử nhân:

Nội dung	Học kỳ										Tổng
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
Số học phần	8	8	5	5	1						24
Số tín chỉ	21	18	12	10	70						131

a) Đối với NCS có bằng thạc sỹ chuyên ngành đúng và phù hợp

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tiến trình đào tạo theo từng học kỳ						
				1	2	3	4	5		6
I	PHẦN 1: CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIỀN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN									
I.1.1	Bắt buộc		08							
30.	SOC 8019	Giáo dục Công tác xã hội (Social work education)	2	X						
31.	SOC 8020	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội (Administration of Developing Organization for Providing Social services)	2	X						
32.	SOC 8021	Bất bình đẳng và đói nghèo (Poverty and Inequanlity)	2	X						
33.	SOC 8022	Đánh giá ban đầu trong chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng (Healthcare Pre-assessment in Community)	2	X						
I.1..2	Tự chọn		2/10							
34.	SOC 8023	Thiết kế và triển khai nghiên cứu trong Công tác xã hội (Designing and Performing Social	2		X					

		<i>work Research)</i>							
35.	SOC 8024	Tôn giáo và công tác xã hội (<i>Religion and Spirituality and Social work</i>)	2						
36.	SOC 8025	Các lý thuyết và mô hình tổ chức cộng đồng (<i>Models and Theories of Community Organization</i>)	2						
37.	SOC 8026	Công tác xã hội với người già và trẻ em (<i>Social work with Children and the Elderly</i>)	2						
38.	SOC 8027	Công tác xã hội với người có hành vi vi phạm pháp luật (<i>Social work with People violating laws</i>)	2						
I.2	<i>Ngoại ngữ học thuật nâng cao (chọn 1 trong các thứ tiếng sau)</i>		4	X					
	ENG 8001	Tiếng Anh học thuật nâng cao (<i>Advanced Academic English</i>)	4						
	RUS 8001	Tiếng Nga học thuật nâng cao (<i>Advanced Academic Russian</i>)	4						
	FRE 8001	Tiếng Pháp học thuật nâng cao (<i>Advanced Academic French</i>)	4						
I.3	<i>Các chuyên đề tiến sĩ</i>		6/36						

39.	SOC 8028	Can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật trí tuệ (<i>Early Intervention for Children with Mental illness</i>)	2		X				
40.	SOC 8029	Công tác xã hội với gia đình và nhóm (<i>Social work with Group and Family</i>)	2		X				
41.	SOC 8030	Phân tích chính sách xã hội (<i>Social policy analysis</i>)	2		X				
42.	SOC 8031	Lịch sử và lý thuyết Phúc lợi xã hội (<i>Social welfare Theories and History</i>)	2						
43.	SOC 8032	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (<i>Social work with Children with Special Circumstances</i>)	2						
44.	SOC 8033	Công tác xã hội với nhóm mại dâm, sử dụng ma túy, nhiễm HIV/AIDS (<i>Social work with group of prostitution, substance –abused and effected by HIV/AIDS</i>)	2						
45.	SOC 8034	Công tác xã hội với phụ nữ bị bạo lực	2						

		gia đình <i>(Social work with Domestic Violence)</i>							
46.	SOC 8035	Trầm cảm và kỹ năng kiểm soát trầm cảm trong chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng. <i>(Depression and skill for controlling depression in mental healthcare in community)</i>	2						
47.	SOC 8036	Công tác xã hội với gia đình đa văn hóa <i>(Social work with multi-cultural family)</i>	2						
48.	SOC 8037	Lịch sử các cách tiếp cận phát triển cộng đồng <i>(History of community development apporoachs)</i>	2						
49.	SOC 8038	Đánh giá các tiếp cận phát triển cộng đồng ở Việt Nam hiện nay <i>(Current community develoment apporoachs Assesment in Viet Nam)</i>	2						
50.	SOC 8039	Vốn xã hội và phát triển cộng đồng	2						

		<i>(Social Capital and Community Development)</i>							
51.	SOC 8040	Lý thuyết về hành vi lệch chuẩn <i>(Theory of Deviation Behaviour)</i>	2						
52.	SOC 8041	CTXH với người vị thành niên vi phạm pháp luật <i>(Social work with Violation of Juvenile)</i>	2						
53.	SOC 8042	Mô hình chăm sóc người cao tuổi <i>(Model for Caring the Elderly)</i>	2						
54.	SOC 8043	Các mô hình phòng chống bạo lực gia đình tại Việt Nam <i>(Models for Domestic Violence Prevention in Viet Nam)</i>	2						
55.	SOC 8044	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần với trẻ tự kỷ tại cộng đồng <i>(Social work with mental healthcare for Austim Children in Community)</i>	2						
56.	SOC 8045	Các mô hình giáo dục đặc biệt đối với người khuyết tật	2						

		(Models of Special Education for People with Disability)							
I.4.	Tiểu luận tổng quan		2		X				
57.	SOC 8046	Tiểu luận tổng quan (Doctoral Dissertation Literature Review)	2						
II	PHẦN 2	NGHIÊN CỨU KHOA HỌC							
58.	Nghiên cứu sinh xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của Bộ môn chuyên môn và giáo viên hướng dẫn				X	X	X	X	
IV	PHẦN 3	LUẬN ÁN TIẾN SĨ							
30	SOC 9002	Luận án tiến sĩ (Doctoral Dissertation)	70		X				
		Tổng cộng	92						

b) Đối với NCS chưa có bằng Thạc sĩ: Phải hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ và các nội dung của chương trình đào tạo tiến sĩ.

STT				Tiến trình đào tạo theo từng học kỳ
-----	--	--	--	-------------------------------------

	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I.	PHẦN 1: KHỐI KIẾN THỨC BỔ SUNG (Các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ)												
I.1	Khối kiến thức chung		7	X									
50.	PHI 5001	Triết học (<i>Philosophy</i>)	3										
51.	ENG 5001	Tiếng Anh cơ bản (<i>Basic English</i>)	4										
	RUS 5001	Tiếng Nga cơ bản (<i>Basic Russian</i>)											
	FRE 5001	Tiếng Pháp cơ bản (<i>Basic French</i>)											
I.2	Khối kiến thức nhóm chuyên ngành		14										
I.2.1	Bắt buộc		10	X									
52.	ENG 6001	Tiếng Anh học thuật (<i>Academic English</i>)	3	X									
	RUS 6001	Tiếng Nga học thuật (<i>Academic Russian</i>)		X									
	FRE 6001	Tiếng Pháp học thuật (<i>Academic French</i>)		X									
53.	SOC 6026	Hành vi con người và Môi trường xã hội II (<i>Human Behavior and the Social Environment II</i>)	2	X									

54.	SOC 6028	Phương pháp nghiên cứu ứng dụng CTXH (<i>Applied Research Methods for Social Work</i>)	2	X									
55.	SOC 6030	Trị liệu tâm lý (<i>Psychotherapy</i>)	3	X									
I.2.2	Tự chọn		4/8										
56.	SOC 6020	Chính sách xã hội và những vấn đề xã hội (<i>Social Problems and Social Policy</i>)	2	X									
57.	SOC 6025	Một số lý thuyết về CTXH (<i>Theories of Social Work</i>)	2	X									
58.	SOC 6033	Tổ chức và Phát triển cộng đồng (<i>Organization and Community Development</i>)	2										
59.	SOC 6057	Công tác xã hội trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tâm thần (<i>Social work in Mental Health</i>)	2										
I.3.	Khối kiến thức chuyên ngành		16										
I.3.1	Bắt buộc		8		X								
60.	SOC 6024	Lí luận về thực hành CTXH (<i>Theory for Practice in Social Work</i>)	2		X								
61.	SOC 6031	Mô hình CTXH với cá nhân (<i>Social Work Models with Individuals</i>)	2		X								
62.	SOC 6032	Mô hình CTXH với	2		X								

		nhóm (<i>Social Work Models with Groups</i>)											
63.	SOC 6058	Người khuyết tật: Chính sách và thực hành (<i>People with disabilities: Policy and Practice</i>)	2		X								
I.3.2	Tự chọn		6/12										
64.	SOC 6034	Quản trị CTXH : Chính sách và hoạch định (<i>Administration in Social Work: Policy and Planning</i>)	3		X								
65.	SOC 6036	CTXH và chính sách xã hội với gia đình (<i>Social Work and Social policy for Family</i>)	2										
66.	SOC 6037	CTXH trong lĩnh vực y tế (<i>Social Work in Health Sector</i>)	2										
67.	SOC 6059	CTXH học đường (Social Work with School)	3		X								
68.	SOC 6060	Bình đẳng giới và bạo lực gia đình: CTXH và pháp luật (<i>Gender equality and domestic violence: Social work and law</i>)	2										
I.3.3	Thực hành CTXH												
69.	SOC 6061	Thực hành CTXH tại cơ sở (<i>Field education practicum</i>)	2		X								
II.	PHẦN 2: CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIỀN SĨ VÀ TIỂU LUẬN												

	TỔNG QUAN												
II.1.1	Bắt buộc		08										
70.	SOC 8019	Giáo dục Công tác xã hội (<i>Social work education</i>)	2			X							
71.	SOC 8020	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội (<i>Administration of Developing Organization for Providing Social services</i>)	2			X							
72.	SOC 8021	Bất bình đẳng và đói nghèo (<i>Poverty and Inequanlity</i>)	2			X							
73.	SOC 8022	Đánh giá ban đầu trong chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng (<i>Healthcare Pre- assessment in Community</i>)	2			X							
II.2.2	Tự chọn		2/10										
74.	SOC 8023	Thiết kế và triển khai nghiên cứu trong Công tác xã hội (<i>Designing and</i>	2				X						

		<i>Performing Social work Research)</i>											
75.	SOC 8024	Tôn giáo và công tác xã hội (<i>Religion and Spirituality and Social work</i>)	2										
76.	SOC 8025	Các lý thuyết và mô hình tổ chức cộng đồng (<i>Models and Theories of Community Organization</i>)	2										
77.	SOC 8026	Công tác xã hội với người già và trẻ em (<i>Social work with Children and the Elderly</i>)	2										
78.	SOC 8027	Công tác xã hội với người có hành vi vi phạm pháp luật (<i>Social work with People violating laws</i>)	2										
II.2	<i>Ngoại ngữ học thuật nâng cao (chọn 1 trong các thứ tiếng sau)</i>		4										

	ENG 8001	Tiếng Anh học thuật nâng cao (<i>Advanced Academic English</i>)	4			X							
	RUS 8001	Tiếng Nga học thuật nâng cao (<i>Advanced Academic Russian</i>)	4										
	FRE 8001	Tiếng Pháp học thuật nâng cao (<i>Advanced Academic French</i>)	4										
II.3	Các chuyên đề tiến sĩ		6/36										
79.	SOC 8028	Can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật trí tuệ (<i>Early Intervention for Children with Mental illness</i>)	2				X						
80.	SOC 8029	Công tác xã hội với gia đình và nhóm (<i>Social work with Group and Family</i>)	2				X						
81.	SOC 8030	Phân tích chính sách xã hội (<i>Social policy analysis</i>)	2				X						
82.	SOC 8031	Lịch sử và lý thuyết Phúc	2										

		lợi xã hội <i>(Social welfare Theories and History)</i>											
83.	SOC 8032	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt <i>(Social work with Children with Special Circumstances)</i>	2										
84.	SOC 8033	Công tác xã hội với nhóm mại dâm, sử dụng ma túy, nhiễm HIV/AIDS <i>(Social work with group of prostitution, substance –abused and effected by HIV/AIDS)</i>	2										
85.	SOC 8034	Công tác xã hội với phụ nữ bị bạo lực gia đình <i>(Social work with Domestic Violence)</i>	2										
86.	SOC 8035	Trầm cảm và kỹ năng kiểm soát trầm cảm trong	2										

		chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng. <i>(Depression and skill for controlling depression in mental healthcare in community)</i>											
87.	SOC 8036	Công tác xã hội với gia đình đa văn hóa <i>(Social work with multi-cultural family)</i>	2										
88.	SOC 8037	Lịch sử các cách tiếp cận phát triển cộng đồng <i>(History of community development approaches)</i>	2										
89.	SOC 8038	Đánh giá các tiếp cận phát triển cộng đồng ở Việt Nam hiện nay <i>(Current community development approaches Assessment in Viet Nam)</i>	2										
90.	SOC 8039	Vốn xã hội và phát triển cộng đồng	2										

		<i>(Social Capital and Community Development)</i>											
91.	SOC 8040	Lý thuyết về hành vi lệch chuẩn <i>(Theory of Deviation Behaviour)</i>	2										
92.	SOC 8041	CTXH với người vị thành niên vi phạm pháp luật <i>(Social work with Violation of Juvenile)</i>	2										
93.	SOC 8042	Mô hình chăm sóc người cao tuổi <i>(Model for Caring the Elderly)</i>	2										
94.	SOC 8043	Các mô hình phòng chống bạo lực gia đình tại Việt Nam <i>(Models for Domestic Violence Prevention in Viet Nam)</i>	2										
95.	SOC 8044	Công tác xã hội trong	2										

		chăm sóc sức khỏe tâm thần với trẻ tự kỷ tại cộng đồng <i>(Social work with mental healthcare for Austim Children in Community)</i>											
96.	SOC 8045	Các mô hình giáo dục đặc biệt đối với người khuyết tật <i>(Models of Special Education for People with Disability)</i>	2										
II.4.	Tiểu luận tổng quan		2				X						
97.	SOC 8045	Tiểu luận tổng quan <i>(Doctoral Dissertation Literature Review)</i>	2										
III.	PHẦN 3.	NGHIÊN CỨU KHOA HỌC											
98.	Nghiên cứu sinh xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của Bộ môn chuyên môn và giáo viên hướng dẫn							X	X	X	X	X	
IV	PHẦN 4.	LUẬN ÁN TIẾN SĨ											
41	SOC 9002	Luận án tiến sĩ <i>(Doctoral Dissertation)</i>	70					X					

		Tổng cộng	131										
--	--	------------------	------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

6.2. Lựa chọn học phần

Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Công tác xã hội được thiết kế gồm các học phần bắt buộc và các học phần lựa chọn. Căn cứ vào nguyện vọng của nghiên cứu sinh và khả năng, điều kiện cụ thể của đơn vị, Chủ nhiệm Khoa sẽ định hướng nghiên cứu sinh trong việc chọn các học phần thuộc nhóm các học phần lựa chọn. Việc định hướng này được thực hiện từ đầu học kỳ thứ nhất.

6.3. Giao đề tài, phân công người hướng dẫn khoa học, thực hiện luận án tốt nghiệp

Đề tài luận án và cán bộ hướng dẫn luận án cho nghiên cứu sinh được đơn vị chuyên môn đề nghị căn cứ trên đề tài đã được đánh giá trong quá trình xét tuyển và thủ trưởng cơ sở đào tạo phê duyệt muộn nhất là 3 tháng sau khi nhập học đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ đúng ngành hoặc 3 tháng sau khi kết thúc các môn học của chương trình bậc thạc sĩ đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ đúng ngành.

Nghiên cứu sinh phải trình bày nội dung, kế hoạch nghiên cứu trước đơn vị chuyên môn chậm nhất 3 tháng sau khi nhận đề tài luận án và báo cáo kết quả nghiên cứu 6 tháng 1 lần trong thời gian thực hiện luận án. Kết quả đánh giá báo cáo là điều kiện để xem xét việc đề nghị cho bảo vệ luận án.

7. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ

7.1. Giới thiệu về chương trình được sử dụng để xây dựng chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Công tác xã hội

Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Quan hệ quốc tế của Trường ĐHKHXH&NV (ĐHQH Hà Nội) được xây dựng căn cứ trên chương trình sau đại học của hai trường là Đại học Rutgers University của Mỹ và Đại học South Carolina Trong đó, các môn học tương ứng với trình độ thạc sĩ được xây dựng dựa trên chương trình đào tạo Thạc sĩ Công tác xã hội của Đại học Rutgers University, còn các chuyên đề tiến sĩ được dựa trên chương trình đào tạo Tiến sĩ Quan hệ quốc tế của Đại học South Carolina

Chương trình đào tạo Thạc sĩ Công tác xã hội của Đại học Rutgers University, văn bằng sau khi tốt nghiệp là Thạc sĩ Quan hệ quốc tế (*MA in International Relations*). Còn chương trình đào tạo Tiến sĩ Công tác xã hội của Đại học South Carolina được đặt tại Trường thành viên School of Social work. Văn bằng sau khi tốt nghiệp là **Tiến sĩ Công tác xã hội** (*Doctor of Philosophy in Social work*).

Hiện nay, Đại học Rutgers là trường đại học đứng 23/200 trường hàng đầu thế giới, riêng ngành CTXH thì đứng thứ 26/200 trường hàng đầu nước Mỹ. Còn Đại học South Carolina.

Chương trình đào tạo thạc sỹ ngành CTXH của Rutgers được thiết kế gồm 2 học phần:

- Học phần bắt buộc: Gồm các môn bắt buộc được chia thành 2 kỳ: kỳ học đại cương và kỳ học nâng cao gồm 19 học phần (Đại cương: 09 môn; Nâng cao: 10 môn)
- Học phần tự chọn: Gồm các học phần tự chọn, được chia thành các học phần tự chọn đại cương và các học phần tự chọn nâng cao. Học phần gồm 37 học phần (Tự chọn cơ sở: 17 môn; tự chọn nâng cao: 20 môn)

Theo chương trình đào tạo Th.S của ĐH Rutgers, Mỹ: Tất cả sinh viên khi tham gia khóa đào tạo thạc sỹ phải học những khóa học nền tảng. Những khóa học này bao gồm tri thức, giá trị, và những kỹ năng cần thiết cho việc thực hành CTXH. Nền tảng chung có thể được chuyển qua trong những nhóm dân số và các nhóm vấn đề. Khung chương trình đào tạo cơ bản bao gồm hành vi con người và môi trường xã hội, tâm lý trị liệu, phương pháp nghiên cứu

CTXH , chính sách và dịch vụ an sinh XH. Hoàn thành những khóa học này sẽ có điều kiện tham gia khóa học nâng cao hơn.

Bên cạnh chương trình được tham khảo chính của Đại học Rutgers, Khoa đã tham khảo nhiều chương trình của các trường đào tạo thạc sĩ CTXH khác trên thế giới để thiết kế chương trình đào tạo thạc sĩ CTXH của đơn vị.

Những điểm giống và khác nhau trong học phần thuộc hai chương trình đào tạo được so sánh cụ thể trong mục 7.2.

Tóm tắt kết quả so sánh:

-9/18 học phần (chiếm 50%) trong chương trình đào tạo của đơn vị có điểm

tương đồng với chương trình đào tạo của Đại học Rutgers.

-Các học phần còn lại có điểm tương đồng với các học phần khác trong các

chương trình đào tạo của các trường đại học khác trong top 200 trường đại học tốt nhất thế giới, cụ thể là Đại học Maryland, Đại học New York, Đại học Quốc gia Singapore, Đại học Melbourne, Đại học Fordham (Bảng xếp hạng các trường đại học này cụ thể trong bảng dưới).

7.2.Bảng so sánh chương trình đào tạo

STT	Tên học phần trong chương trình đào tạo của nước ngoài	Tên học phần trong chương trình đào tạo của đơn vị	Thuyết minh về những điểm giống và khác nhau giữa các học phần của 2 chương trình đào tạo
1.	Direct practice: Theory and models, Rutgers University school of social work, Xếp hạng trường: 23/200 Ngành CTXH : 26/200	Lí luận về thực hành CTXH (<i>Theory for Practice in Social Work</i>)	Chương trình của Đại học Rutgers: Học phần giới thiệu cho học viên cách thức mà lý thuyết cũng như các kinh nghiệm được sử dụng làm công cụ hướng dẫn trong can thiệp với cá nhân, gia đình, nhóm. Các hoạt động nghề nghiệp muốn đạt hiệu quả cao phải kết hợp được các tài nguyên tri thức khác nhau: Những kinh nghiệm (các hoạt động được thực hiện trong quá khứ với những thân chủ có vấn đề tương tự), các lý thuyết (hệ thống các kiến thức khác nhau về cách thức phát sinh cũng như việc giải quyết các vấn đề cụ thể), các tri thức về lâm sàng, nhu cầu, sở thích của thân chủ. Học viên sẽ được học những chuyên đề cụ thể, chi tiết

			về bằng chứng nghiên trong nghiên cứu xác định và lượng giá. Những nghiên cứu này có thể đã được sử dụng để tạo ra những triển vọng, khả năng trong can thiệp. Học viên sẽ nghiên cứu và phản biện về các mô hình và lý thuyết can thiệp quan trọng (Tâm lý động học, nhận thức, hành vi, hệ thống gia đình, làm việc nhóm) và áp dụng chúng vào các ca cụ thể.
2.	Human behavior and the social environment, Rutgers University school of social work, Xếp hạng trường: 23/200 Ngành CTXH : 26/200	Hành vi con người và Môi trường xã hội II (Nâng cao) (<i>Human Behavior and the Social Environment II</i>)	Học phần của Rutgers cung cấp cho người học những lý thuyết, chủ đề, các vấn đề liên quan đến những tương tác giữa con người trong quá trình họ sinh ra, lớn lên, trưởng thành ở các giai đoạn cuộc đời với bối cảnh xã hội tương ứng. Giả định về hành vi con người có thể cản trở sự thừa nhận tính đa dạng trong những tương tác hiện tại giữa cá nhân, gia đình và nhóm đặc thù; bối cảnh xã hội, đời sống xã hội; những giá trị và vấn đề đạo đức có liên quan đến sự phát triển tâm – sinh lý, xã hội. Giống: Nhìn chung, hai học phần có nội dung tương đối giống nhau, đều đề cập đến các lý thuyết về hành vi, hệ thống, môi trường xã hội. Cung cấp cho người học những kiến thức về con người và môi trường xung quanh, từ đó để người học vận dụng vào các hoạt động trong thực tế. Khác: Học phần trong chương trình của chúng ta có những nét đặc thù và liên hệ với thực tế xã hội ở Việt Nam.
3.	Trong chương trình Sau đại học của ĐH Rutgers, không có học phần trùng khớp hoàn toàn mà có nhiều học phần chuyên sâu của môn này:	Người khuyết tật: Chính sách và thực hành (<i>People with disabilities: Policy and Practice</i>)	- Trong chương trình của Rutgers, các học phần đi sâu vào trị liệu lâm sàng cho người khuyết tật cùng can thiệp vĩ mô thông qua phân tích, đánh giá chính sách dành cho người khuyết tật. - Trong chương trình của Khoa, thiết kế chương trình gồm những nội dung cơ bản như khái quát về khuyết tật và người khuyết tật, lịch sử hình thành, triết lý, quá trình phát triển, cách thức cung ứng dịch vụ, phân tích chính sách cũng như vai trò

	- Chronic Illness & Disability - Current Issues in Developmental Disabilities		của CTXH tại Việt Nam. - Giống: tập trung vào những kiến thức sâu về can thiệp lâm sàng, quản lý ca và phân tích, cải biến chính sách, mô hình, dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật. - Khác: Chương trình của Khoa bao quát chung mọi loại khuyết tật trong khi chương trình của Rutgers tập trung vào các chuyên ngành sâu của từng nhóm khuyết tật đặc thù và phức tạp, mang tính lâm sàng.
4.	Methods of Social Work Research I (19:910:505, Các phương pháp nghiên cứu CTXH), Rutgers University school of social work, Xếp hạng trường: 23/200 Ngành CTXH : 26/200	Phương pháp nghiên cứu ứng dụng CTXH (<i>Applied Research Methods for Social Work</i>)	Giới thiệu cách tiếp cận khoa học để xây dựng tri thức và kỹ năng, bao gồm vai trò của thuật ngữ và lý thuyết, cơ chế hoạt động, thiết kế nghiên cứu, thu thập số liệu, phân tích dữ liệu, phân tích thống kê và viết báo cáo Học phần này nâng mức hiểu biết và kỹ năng nghiên cứu của học viên lên khả năng đánh giá việc sử dụng mô hình và khả năng phát triển mô hình CTXH thông qua việc nghiên cứu đặc thù hỗ trợ thực hiện chức năng xã hội của con người. Nghiên cứu CTXH tập trung vào những phạm vi và đối tượng của CTXH với cá nhân, nhóm, cộng đồng và quản lý, kết hợp nghiên cứu định tính với định lượng. Cụ thể, học phần này cung cấp khái niệm và phương pháp thiết kế, phương pháp nghiên cứu và phương pháp phân tích nghiên cứu ứng dụng CTXH để học viên có thể tự thực hiện được một số yêu cầu của CTXH về mặt lý thuyết và thực hành. Phần quan niệm về nghiên cứu CTXH tập trung vào vấn đề nghiên cứu liên quan đến thực hiện chức năng xã hội của con người, bao gồm hành vi con người, tâm lý, nguyên nhân của hành vi con người trong môi trường xã hội cũng như những yếu tố xã hội tác động đến hành vi con người. Nghiên cứu CTXH còn chịu ảnh hưởng quyết định của đạo đức nghiên cứu và đạo đức CTXH . Vì vậy, nghiên cứu CTXH

			không thể lúc nào cũng được thiết kế một cách chặt chẽ theo quan niệm thực nghiệm. Học phần này cung cấp cho học viên cả hai phương pháp thiết kế thực nghiệm và thiết kế trường hợp đơn.
5.	Social work I with individuals, families and groups, Rutgers University school of social work, Xếp hạng trường: 23/200 Ngành CTXH : 26/200	Mô hình CTXH với cá nhân (<i>Social Work Models with Individuals</i>)	Trong chương trình đào tạo của Rutgers: Đây là môn đầu tiên trong 2 học phần liên tục thuộc tiến trình học tập của năm cơ sở. Học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản, là nền tảng phục vụ cho các học phần thực hành. Học phần trang bị cho học viên những kiến thức về cách thức sử dụng các mô hình giải quyết vấn đề trong những bối cảnh sinh thái cụ thể để học viên áp dụng trong thực tế ở các cấp độ và quy mô khác nhau. Các giá trị cốt lõi, các khái niệm, cũng như các suy xét về mặt đạo đức gắn với những mặt tổng quát nhất của thực hành CTXH được phân tích chi tiết giúp cho học viên có thể thực hành tốt trong các học phần thực hành. Giống: đều trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về con người và môi trường sinh thái, những kiến thức và kỹ năng cũng như những mô hình điển hình của CTXH cá nhân với từng đối tượng yếu thế đặc thù. Khác: Học phần của trường Rutgers cung cấp những kiến thức tổng hợp về cả mô hình công tác cá nhân, CTXH với gia đình và các nhóm. Trong khi đó, học phần của Việt Nam lại chỉ tập trung vào kiến thức, kỹ năng, các cách thức can thiệp cung như các mô hình CTXH với đối tượng là các cá nhân. Chương trình của Việt Nam có những sự liên hệ sâu sắc với tình hình cụ thể, các vấn đề thực tế tại Việt Nam.
6.	Social work I with individuals, families and groups, Rutgers University	Mô hình CTXH với nhóm (<i>Social Work Models with Groups</i>)	Trong chương trình đào tạo của Rutgers: Đây là môn đầu tiên trong 2 học phần liên tục thuộc tiến trình học tập của năm cơ sở. Học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản, là nền tảng phục vụ cho các học phần thực hành. Học phần trang bị cho

	school of social work, Xếp hạng trường: 23/200 Ngành CTXH : 26/200		học viên những kiến thức về cách thức sử dụng các mô hình giải quyết vấn đề trong những bối cảnh sinh thái cụ thể để học viên áp dụng trong thực tế ở các cấp độ và quy mô khác nhau. Các giá trị cốt lõi, các khái niệm, cũng như các suy xét về mặt đạo đức gắn với những mặt tổng quát nhất của thực hành CTXH được phân tích chi tiết giúp cho học viên có thể thực hành tốt trong các học phần thực hành. Giống: Cả hai học phần của 2 chương trình đều hướng đến cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng về những phương pháp tiếp cận trong CTXH nhóm; đưa ra những mô hình trong thực hành CTXH nhóm cũng như trang bị các kiến thức, kỹ năng cần có của học viên trong quá trình làm việc với các nhóm trong thực tế. Khác: Học phần của Việt Nam chỉ tập trung vào các kiến thức, kỹ năng, phương pháp trong CTXH với các nhóm yếu thế. Trong khi đó, học phần của Rutgers kết hợp cả các kiến thức, kỹ năng, phương pháp về mô hình CTXH với cá nhân, nhóm cũng như gia đình. Vì thế, học phần của Việt Nam có sự tập trung và sâu sắc, đặc biệt là nó nêu được các vấn đề của CTXH nhóm, các mô hình, các kiến thức, kỹ năng trong CTXH nhóm phù hợp với hoàn cảnh cụ thể ở Việt Nam.
7.	Clinical Social work: School, Rutgers University school of social work	CTXH học đường	Học phần của trường Rutgers cung cấp những kiến thức, kỹ năng trong CTXH với trẻ em và thanh thiếu niên được đặt trong bối cảnh của hệ thống trường học, trong nhóm, và với gia đình của họ. Học phần nhấn mạnh đến tầm quan trọng của nhân viên CTXH trong trường học, đến cách thức làm việc của nhân viên xã hội, các nguyên tắc của CTXH trong trường học cũng như mối quan hệ giữa nhân viên CTXH với giáo viên, nhân viên CTXH với những người quản lý trường học, nhân viên CTXH với đồng nghiệp, với các cơ sở cung

			cấp dịch vụ. Giống: Hai học phần có sự tương đồng về nội dung. Cả hai đều hướng đến cung cấp cho người học những kiến thức về lịch sử phát triển, vai trò của CTXH học đường ở Mỹ và các nước phương Tây. Học phần trang bị cho người học những kiến thức về CTXH trong học đường: nền tảng triết lý, cách thức làm việc, mối quan hệ của nhân viên CTXH với giáo viên, các nhà quản lý trường học. Khác: Học phần Việt nam có liên hệ sâu sắc đến tình hình thực tế ở Việt Nam.
8.	Critical thinking, spirituality and psychotherapy, New York University Silver school of social work, Xếp hạng trường: 23/200	Tham vấn và tâm lý trị liệu (<i>Counselling and Psychotherapy</i>)	Trong chương trình thạc sỹ CTXH của Đại học New York: Trị liệu tâm lý được xếp chung với các nội dung về tư duy phản biện, tinh thần và trị liệu tâm lý. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về tư duy phản biện, về các giá trị tinh thần cũng như các vấn đề tâm lý của người dân Mỹ trong cuộc sống hiện đại. Học phần cũng cung cấp cho người học hệ thống các kiến thức bao gồm: các lý thuyết của các trường phái tâm lý khác nhau, các kỹ năng vận dụng các lý thuyết đó, cách thức làm việc với các đối tượng có các vấn đề về tâm lý. Giống: đều cung cấp cho người học những kiến thức bao gồm: các lý thuyết tâm lý, cách vận dụng vào các trường hợp cụ thể, các kỹ năng cần có để đánh giá, phân tích và trợ giúp một cách chuyên nghiệp cho các thân chủ gặp các vấn đề về tâm lý. Khác: Học phần trong chương trình của đại học New York nêu lên các vấn đề, bối cảnh và tâm lý người dân Mỹ. Trị liệu tâm lý được gộp cùng tư duy phản biện, tinh thần thành một học phần. Học phần của Việt Nam, ngoài trị liệu tâm lý còn cung cấp cho người học những kiến thức về tham vấn, rất cần thiết và gần gũi với CTXH để những người học có thể tham vấn cho các thân chủ của mình trong những trường hợp

			cần thiết hoặc thân chủ có nhu cầu.
9.	Administering Employee Assistance Programs (Quản trị chương trình hỗ trợ người lao động), University of Maryland - Xếp hạng trường TG: 32/200 - Xếp hạng ngành CTXH (Mỹ): 16	Quản trị ngành CTXH (Nâng cao) (<i>Administration in Social Work II</i>)	- Trong chương trình của Khoa, nội dung học phần tập trung vào kiến thức nâng cao của quản trị CTXH ở tầm vĩ mô, chủ yếu trong hoạch định, phản biện, thực thi và giám sát chính sách. - Trong chương trình của Maryland, nội dung học phần tập trung vào quản trị con người trong hệ thống CTXH, chủ yếu tập trung vào chương trình hỗ trợ người lao động. - Giống: cung cấp kiến thức cơ bản về quản trị CTXH tầm vĩ mô - Khác: chương trình của Khoa mang tính bao quát hơn, tập trung vào mảng chính sách trong CTXH, trong khi chương trình của Maryland tập trung vào quản trị con người trong các chương trình hỗ trợ người lao động.
10.	- Object relation theory - Theory of attachment - Theories of Child Development - Critical Analysis of Psychotherapy Theories New York University Silver school of social work, Xếp hạng trường: 23/200	Một số lý thuyết về CTXH (<i>Theories of Social Work</i>)	Trong chương trình đào tạo thạc sỹ CTXH của Đại học New York, các lý thuyết CTXH được đào tạo theo hướng chuyên sâu. Một học phần thường chỉ về một lý thuyết hoặc một vài lý thuyết tương đồng. Các học phần về lý thuyết được đưa vào học phần tự chọn. Chẳng hạn, học phần về một số lý thuyết về sự phát triển của trẻ em tập trung phân tích về các giai đoạn phát triển của trẻ từ tuổi đầu tiên với các vấn đề liên quan đến tính cách, mối quan hệ giữa trẻ với cha mẹ, sự gắn bó, các quy tắc có ảnh hưởng... Mỗi lý thuyết lại cung cấp cho người học một cách nhìn cụ thể, đặc trưng. Giống: Cung cấp cho người học những kiến thức về lịch sử, nội dung, các điểm cần chú ý của các lý thuyết quan trọng trong CTXH. Khác: Học phần của đại học New York có sự chuyên sâu về từng lý thuyết hay một nhóm các lý thuyết tương đồng, do đó, sẽ cung cấp cho người học những hiểu biết cụ thể nhất, chi tiết nhất về lịch sử, nội dung, cách vận dụng các lý thuyết. Trong khi đó,

			học phần trong chương trình của Việt Nam lại chú trọng đến tính tổng thể, đưa ra những nét cơ bản nhất về các lý thuyết CTXH. Do đó, học phần chỉ cung cấp kiến thức về chiều rộng chứ không cung cấp cho người học kiến thức sâu sắc như chương trình các học phần của đại học New York.
11.	Community Organization and Development (Tổ chức cộng đồng và phát triển), trường NUS	Tổ chức và Phát triển cộng đồng (<i>Organization and Community Development</i>)	Khung chương trình đào tạo của nước ngoài có điểm giống với chương trình của khoa ở chỗ: cùng đưa ra những lý thuyết, cách tiếp cận, phương pháp và kỹ năng phát triển cộng đồng. NUS: Học phần này sẽ bao trùm cả lý thuyết và thực hành phát triển cộng đồng. Cụ thể, nó sẽ chỉ ra vai trò của phát triển cộng đồng trong việc xây dựng vốn xã hội và các kế ước mang tính cộng đồng. Các mô hình của phát triển cộng đồng sẽ được xem xét và phân tích trong bối cảnh Singapore. Những chiến lược và kỹ thuật được sử dụng ở Singapore và nhiều cộng đồng khác hay những vấn đề về sự tham gia và can thiệp cộng đồng cũng được đưa ra trong học phần này. Học phần này cũng đưa ra những thách thức với mô hình làm việc cộng đồng. Đây là phần hết sức quan trọng để nâng mức thực hành CTXH lên tầm lý luận và khoa học của đào tạo bậc cao. Trong học phần này, các nền tảng của lý thuyết phục vụ cho chuyên môn CTXH như lý thuyết tâm động học, lý thuyết hành vi, lý thuyết hệ thống, lý thuyết sinh tồn, lý thuyết cấp tiến và Mác xít được so sánh, đối chiếu và qua các bài học từ thực tiễn. Học viên sẽ được cung cấp những tri thức. Các lý thuyết tâm động học, lý thuyết sinh thái học, lý thuyết nhận thức học, lý thuyết cấp tiến v.v.. được trình bày để tạo ra mô hình cụ thể về tâm- sinh- xã hội của hành vi con người trong môi trường xã hội. Học phần này cũng cung cấp cho học viên những đặc

			thù của môi trường xã hội mà con người chịu ảnh hưởng, như những đặc điểm gia đình và xã hội ngày nay hay mối quan hệ của gia đình và môi trường sinh hoạt để qua đó học viên có thể hiểu rõ hơn ý nghĩa lý thuyết này trong công tác thực hành của họ (phần này không liên quan gì lắm đến phát triển cộng đồng. Em sợ là nhầm cái này với cái thứ 11???)
12.	Understanding social policy (Tìm hiểu chính sách xã hội), Doing social policy (Thực hiện chính sách xã hội) ở trường UQ, Úc và Special Topics in Social Work (Những chủ đề đặc biệt trong CTXH), trường NUS	Chính sách xã hội và những vấn đề xã hội (<i>Social Problems and Social Policy</i>)	UQ: Học phần này sẽ giới thiệu những chính sách xã hội hiện đại, không chỉ bao gồm những hỗ trợ thu nhập, các dịch vụ xã hội mà còn các chính sách kinh tế. Khung lý thuyết cũng được đưa ra từ nhiều cách tiếp cận ngành học khác nhau. Bên cạnh đó, học phần còn quan tâm xem xét đến quá trình xây dựng chính sách cũng như việc sử dụng những phương pháp kỹ thuật phân tích trong việc xây dựng chính sách. Mục đích là để phát triển tri thức và kỹ năng xây dựng chính sách cho học viên NUS: Những chủ đề đặc biệt quan trọng trong CTXH được nêu ra như là lạm dụng tình dục, bạo lực gia đình, lạm dụng tài sản, những rối loạn gây chấn thương. Học viên được cung cấp tri thức và kỹ năng tổng hợp để có tầm nhìn về các vấn đề cộng đồng nói chung, để có thể khái quát hoá, khái niệm hoá thành các mô hình can thiệp, đồng thời có khả năng ứng dụng các mô hình sẵn có để giải quyết các vấn đề thực tế của cộng đồng. Đào tạo bậc cao về chính sách xã hội nâng lên thành lý luận phân tích chính sách xã hội (policy analysis) và quá trình chính sách xã hội (policy process), gắn vấn đề chính sách xã hội với quản trị CTXH từ chính sách đến dịch vụ và từ dịch vụ trở về chính sách. Học phần Chính sách xã hội cung cấp cho học viên tri thức và kỹ năng phân tích chính

			sách vận động chính sách, và quản lý thực hiện chính sách. Học phần này bao gồm kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn trong nước, học viên sẽ được phân tích ứng dụng vào hoàn cảnh Việt Nam. Một số tài liệu về chính sách xã hội được học về các hệ thống thực hiện chính sách xã hội hiện hành. Trong khuôn khổ các chính sách xã hội được phát triển thuộc các ngành Lao động xã hội, Dân số - Gia đình - Trẻ em, Y tế, Giáo dục
13.	Clinical social work : families, Rutgers University school of social work, Xếp hạng trường: 23/200 Ngành CTXH : 26/200	CTXH và chính sách xã hội với gia đình (<i>Social Work and Social policy for Family</i>)	Học phần của trường Rutgers cung cấp cho người học kiến thức về thực hành chuyên môn với hệ thống gia đình, nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc phân tích bối cảnh của các hệ thống: các hệ thống xung quanh, cũng như các vận động nội tại của hệ thống gia đình, những ứng dụng khác nhau của các phương pháp về mặt lý thuyết trong trị liệu gia đình. Học phần này cũng cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về gia đình, các kỹ thuật trong CTXH gia đình như biện hộ, kết nối, cung cấp các dịch vụ cụ thể. Giống: Cả hai học phần đều hướng đến việc cung cấp cho người học những kiến thức về gia đình học, những lý thuyết, kỹ năng, kỹ thuật để người học có được những kiến thức cơ bản và cụ thể nhất trong CTXH với gia đình. Khác: Học phần trong khung chương trình của chúng ta nhấn mạnh hơn đến các chính sách xã hội với gia đình. Học phần cũng cung cấp những kiến thức phù hợp với điều kiện thực tế tại Việt nam.
14.	Social Work in Health, Đại học Melbourne, Úc	CTXH trong y tế công cộng (<i>Social Work in Public Health</i>)	- Giống: Cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong can thiệp Công tác xã hội đối với việc chăm sóc sức khỏe cho các đối tượng và dạng bệnh cụ thể. Học phần của 2 chương trình đều nhấn mạnh đến công tác phòng bệnh. - Khác: Môn Công tác xã hội trong Y tế

			công cộng (Việt Nam) nhấn mạnh nhiều hơn đến thực hành trong cộng đồng: Nhân viên xã hội tham gia trị liệu trong chương trình Y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe nhân dân.
15.	Social Welfare Policy and Services I, Rutgers University school of social work, Xếp hạng trường: 23/200 Ngành CTXH : 26/200	Bình đẳng giới và bạo lực gia đình: CTXH và pháp luật (<i>Gender equality and domestic violence: Social work and law</i>)	- Trong chương trình của Rutgers, Chicago, học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về an sinh xã hội như lịch sử hình thành, triết lý, quá trình phát triển, cách thức cung ứng dịch vụ, phân tích chính sách cũng như vai trò của CTXH trong thể chế này nhưng trong bối cảnh của Mỹ. - Trong chương trình của Khoa, hầu hết những nội dung cơ bản về an sinh xã hội như lịch sử hình thành, triết lý, quá trình phát triển, cách thức cung ứng dịch vụ, phân tích chính sách cũng như vai trò của CTXH ,... nhưng tập trung vào bối cảnh Việt Nam trong đối chiếu với quy trình thể giới. - Giống: Cung cấp những hiểu biết cơ bản về hệ thống an sinh xã hội và chính sách xã hội, vai trò của CTXH trong hệ thống này. - Khác: Liên hệ sâu sắc đến thực tế Việt Nam
16.	Domestic violence: Social work and law (Bạo lực gia đình: CTXH và pháp luật), Đại học Fordham, Mỹ	An sinh xã hội và các vấn đề xã hội (<i>Social Problems and Social Protection</i>)	Học phần này cung cấp kiến thức cho người học về vai trò của CTXH đối với bạo lực gia đình và bình đẳng giới. Học phần này bắt đầu bằng việc phân tích các nguyên lý cơ bản của CTXH và việc thực hành CTXH và pháp luật đối với vấn đề bình đẳng giới và bạo lực gia đình từ quan điểm lịch sử. Phần tiếp theo của học phần giúp cho người học hiểu được vai trò của nhân viên CTXH và luật pháp trong từng giai đoạn của việc thực hành CTXH đối với trường hợp bạo lực gia đình. Học phần này nhấn mạnh đến các kỹ năng thực hành trong lĩnh vực bình đẳng giới và bạo lực gia đình
17.	Clinical social work: mental	Công tác xã hội trong lĩnh vực	Chương trình của đại học Rutgers đề cập đến những can thiệp đang được áp dụng

	health, Rutgers University school of social work, Xếp hạng trường: 23/200 Ngành CTXH : 26/200	chăm sóc sức khỏe tâm thần (<i>Social work in Mental Health</i>)	với khách hàng, những người rối loạn tâm thần, và gia đình họ, trong bối cảnh của tổ chức và cộng đồng. Kỹ thuật can thiệp với các dạng rối loạn tâm thần nặng và mãn tính, được thống kê và chẩn đoán trong Sách hướng dẫn về các rối loạn tâm thần, xuất bản lần 4 có sửa chữa (DSM – IV – TR); các thuốc điều trị tâm thần; quản lý ca; pháp đồ điều trị, và các vấn đề đặc biệt trong can thiệp với trẻ em và thanh thiếu niên. Giống: Hai môn học trong hai chương trình học có nội dung tương tự nhau là cung cấp những kiến thức, kỹ năng về các vấn đề sức khỏe tâm thần, cách thức tiến hành CTXH với thân chủ có các vấn đề tâm thần. Cả hai môn học đều nhấn mạnh đến can thiệp với trẻ em và thanh niên có các vấn đề về tâm thần. Khác: Môn học của Việt Nam cung cấp cho người học những kiến thức về mạng lưới hỗ trợ chăm sóc sức khỏe tâm thần, các cách thức can thiệp phù hợp với thực tế ở Việt Nam.
18.	- Field education practicum I - Field education practicum II - Field education practicum III - Field education practicum III Rutgers University school of social work, Xếp hạng trường: 23/200 Ngành CTXH	Thực hành CTXH tại cơ sở	Trong chương trình của Rutgers University, thực hành tại cơ sở được chia thành 3 học phần với các cấp độ khác nhau. Thực hành 1 được tiến hành ở các cơ sở. Các kiểm huấn viên sẽ trực tiếp giảng dạy và giám sát việc thực hành của học viên. Việc thực hành bao gồm: cung cấp các dịch vụ cho dân cư yếu thế đồng thời học tập các kỹ năng CTXH tổng quát. Thực hành 2 hướng đến rèn luyện cho người học các kỹ năng cao hơn thực hành 1: kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng lãnh đạo. Thực hành lần 2 sẽ giúp người học trang bị những kỹ năng cần thiết để hướng đến việc thực hành ở mức độ cao hơn. Thực hành 3,4 hướng đến việc ứng dụng các lý thuyết, kỹ năng học tập vào thực tế một cách chuyên nghiệp. Giống: Đều hướng đến cung cấp cho người

	: 26/200		học những cơ hội được ứng dụng các kiến thức đã học trong thực tế. Học viên trực tiếp được hành tại cơ sở, cộng đồng với những nội dung cụ thể dưới sự giám sát của giáo viên và kiểm huấn viên. Khác: Chương trình học của Đại Rutgers chia thực hành thành các nội dung nhỏ và chuyên sâu hơn. Học phần của Việt Nam có tính ứng dụng và phù hợp với thực tế Việt Nam.
--	----------	--	--